

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG LAM SƠN, THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

ĐT: 0988 067 866 - EMAIL:TVXDTAMAN@GMAIL.COM

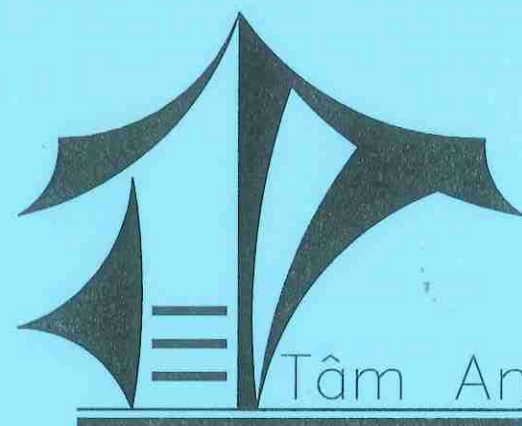
UBND XÃ NGUYỄN TRÃI
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người thẩm định ký tên:



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HƯNG - AN THÀNH

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../BC-KQTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên: *Huy Lê Văn Huy*

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN XÃ CẨM NINH
(ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN NHÀ ÔNG MINH)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HƯNG YÊN.

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGUYỄN TRÃI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN.

TẬP: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG LAM SƠN, THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

ĐT: 0988 067 866 - EMAIL:TVXDTAMAN@GMAIL.COM

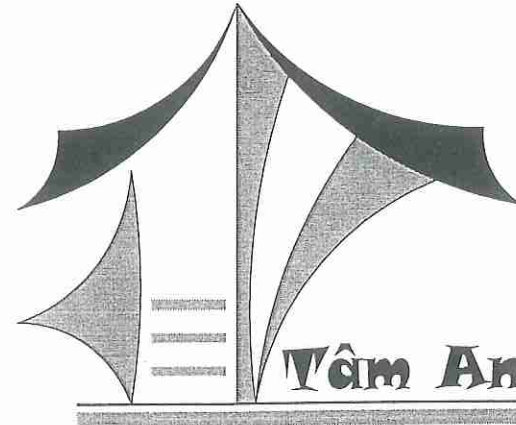
UBND XÃ NGUYỄN TRÃI
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số/.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người thẩm định ký tên:



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HÙNG - AN THÀNH

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../BC-KQT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN XÃ CẨM NINH
(ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN NHÀ ÔNG MINH)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HƯNG YÊN.

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGUYỄN TRÃI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ĐỨC TÂM

ĐẠI DIỆN BQLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG



GIÁM ĐỐC
LÊ BÌNH MINH

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



CHỦ TỊCH
NGUYỄN TẮT THẮNG

PHẦN THUYẾT MINH
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

Công trình: Công trình Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Cẩm Ninh (Đoạn từ nhà ông Chiêm đến nhà ông Minh).

I. CÁC CĂN CỨ:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 và luật sửa đổi số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội sửa đổi bổ sung một số điều của luật xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Thông tư 12/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/15/2023 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-SXD ngày 22/9/2025 của sở xây dựng tỉnh Hưng Yên Về việc Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-SXD ngày 06/10/2025 của sở xây dựng tỉnh

Hưng Yên Về việc Công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 về việc sửa đổi bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ xây Dựng;

Căn cứ Quyết định số 136/2025/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ trong hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 27/12/2024 của Hội đồng nhân dân xã Cẩm Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Cẩm Ninh (Đoạn từ nhà ông Chiêm đến nhà ông Minh);

Căn cứ Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 21/2/2025 của Ủy ban nhân dân xã Cẩm Ninh về việc phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Cẩm Ninh (Đoạn từ nhà ông Chiêm đến nhà ông Minh);

Căn cứ Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 của Ủy ban nhân dân xã Cẩm Ninh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn giai đoạn chuẩn bị dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Cẩm Ninh (Đoạn từ nhà ông Chiêm đến nhà ông Minh);

Căn cứ Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của Ủy ban nhân dân xã Cẩm Ninh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 02 Tư vấn khảo sát và lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Cẩm Ninh (Đoạn từ nhà ông Chiêm đến nhà ông Minh) ;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của Ủy ban nhân dân xã Cẩm Ninh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 03 Tư vấn thẩm tra bản vẽ thi công và dự toán công trình Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Cẩm Ninh (Đoạn từ nhà ông Chiêm đến nhà ông Minh);

Căn cứ Hợp đồng số 02/2025/TA-HĐTV ngày 14/4/2025 giữa Ủy ban nhân dân xã Cẩm Ninh và Công ty TNHH tư vấn kiến trúc xây dựng Tâm An về việc thực hiện gói thầu: Tư vấn khảo sát và lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Cẩm Ninh (Đoạn từ nhà ông Chiêm đến nhà ông Minh);

Căn cứ các văn bản quy phạm có liên quan khác.

II. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN VÀ CÁC QUY TRÌNH QUY PHẠM:

1. Mục tiêu của dự án:

1.1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Cẩm Ninh (Đoạn từ nhà ông Chiêm đến nhà ông Minh).

1.2. Phạm vi nghiên cứu:

- Phạm vi đầu tư:

Công trình Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Cẩm Ninh (Đoạn từ nhà ông Chiêm đến nhà ông Minh) có tổng chiều dài 407,76m, điểm đầu từ nhà ông Chiêm, điểm cuối đến nhà ông Minh.

1.3. Mục tiêu đầu tư:

Đầu tư Cải tạo, nâng cấp tuyến đường để đảm bảo việc lưu thông hàng hoá và đi lại của nhân dân. Từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng đường giao thông trên địa bàn xã đáp ứng bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao, tạo đà cho sự phát triển kinh tế xã hội của xã Nguyễn Trãi nói riêng và tỉnh Hưng Yên nói chung.

2. Các quy trình, quy phạm áp dụng:

2.1. Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế:

- + Tiêu chuẩn thiết kế đường giao thông nông thôn 22TCN210-92;
 - + TCVN 10380:2014 - Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế;
 - + Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô số TCVN 4054-2005;
 - + Quy trình thiết kế áo đường cứng số 22TCN 223-95 (tham khảo);
 - + Quy trình thiết kế áo đường mềm số 22TCN 211-93;
 - + Quy trình khảo sát đường ô tô số 22TCN263-2000;
 - + TCVN 9398:2002 – Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – Yêu cầu chung;
 - + Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT
 - + TCXDVN 365:2005 về kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;
 - + Quy phạm tổ chức thi công TCVN – 4055- 85;
 - + Quy trình thi công và nghiệm thu công tác đất TCVN 4447-2012;
 - + Quy trình thi công và nghiệm thu kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối TCVN 4453-1995;
 - + TCVN 8859-2011 Về lớp móng CPĐD trong kết cấu áo đường ô tô – Vật liệu thi công và nghiệm thu;
 - + Các tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.
- ### 2.2. Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu:
- TCVN 4447-2012 Công tác đất – Thi công và nghiệm thu;
 - TCVN 4252-2012 Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế tổ chức thi công;
 - TCVN 8859-2011 Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô – Yêu cầu thi công và nghiệm thu;

- TCVN 4453-1995 Quy trình Thi công và nghiệm thu Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối;

- TCXDVN 365:2005 về kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;

- Quy phạm tổ chức thi công TCVN – 4055- 85;

- Các quy trình, quy phạm khác có liên quan đến xây dựng công trình.

2.3. Địa điểm xây dựng: xã Nguyễn Trãi - tỉnh Hưng Yên

2.4. Nguồn tài liệu sử dụng:

- Số liệu điều tra, khảo sát tình hình kinh tế, xã hội, giao thông vận tải vùng tuyến ảnh hưởng dự án;

- Hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát do Công ty TNHH tư vấn kiến trúc xây dựng Tâm An lập năm 2025.

III: HIỆN TRẠNG TUYẾN ĐƯỜNG:

Công trình Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Cẩm Ninh (Đoạn từ nhà ông Chiêm đến nhà ông Minh) có tổng chiều dài 407,76m, điểm đầu từ nhà ông Chiêm, điểm cuối đến nhà ông Minh. Mặt đường hiện trạng là đường đất rộng trung bình 3,0m, mặt đường gồ gề lồi lõm không bằng phẳng gây khó khăn đi lại cho nhân dân khi đi lại, đặc biệt vào mùa mưa mặt đường trơn trượt tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn mỗi khi nhân dân sản xuất và đi lại. Hai bên lề đường một bên giáp ruộng thủy lợi, một bên giáp ruộng canh tác của dân.

- Thoát nước dọc, ngang: Thoát nước tự nhiên.

- An toàn giao thông: Chưa được đầu tư xây dựng.

IV. NỘI DUNG THIẾT KẾ:

1. Quy mô công trình:

1.1. Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình giao thông.

- Cấp công trình: Cấp IV;

- Cấp đường: Đường GTNT cấp B (Theo TCVN10380:2014).

- Dự án nhóm C.

- Tốc độ tính toán: $V = (15-20)$ km/h; Tải trọng trục tiêu chuẩn thiết kế: $P = 2,5T$.

- Kết cấu mặt đường: Mặt đường BTXM mác 250, đá 2x4.

- Tổng chiều dài tuyến $L = 407,76$ m.

1.2. Xác định các chỉ tiêu thiết kế công trình:

a. Bình đồ tuyến: Hướng tuyến cơ bản theo hướng tuyến hiện tại, tìm tuyến điều chỉnh đảm bảo tuyến êm thuận và hạn chế công tác giải phóng mặt bằng.

b. Trắc dọc tuyến:

Trên cơ sở mặt đường cũ và các điểm khống chế, thiết kế cao độ đường đồ để đảm bảo chiều dày kết cấu mặt đường và êm thuận của toàn tuyến.

c. Cắt ngang tuyến:

- + Chiều rộng nền đường $B_n = 4,0\text{m}$.
- + Chiều rộng mặt đường $B_m = 3,0\text{m}$, dốc ngang mặt đường $i = 2\%$;
- + Chiều rộng lề đường $B_{lề} = (0,50 \div 0,75)\text{m}$; độ dốc lề đất $i = 4\%$;
- + Độ dốc mái taluy đắp $1/1,0$; mái taluy đào $1/1,0$;

d. Giải pháp kết cấu nền, áo đường:

* Kết cấu áo đường từ trên xuống như sau:

Mặt đường BTXM mác 250 đá 2x4 cm, dày 20 cm; nilon lót tái sinh; cát vàng tạo phẳng dày 3 cm; móng CPĐD loại II dày 15 cm, đầm chặt $K = 0,98$; móng cát đen đầm chặt $K = 0,95$ dày 30 cm; cát tôn nền đầm chặt $K = 0,95$ (nếu có).

e. Phân tẩm bê tông mặt đường:

- Phân tẩm bê tông mặt đường tạo thành khe co, khe dẫn của bê tông như sau: Cứ 5m bố trí 1 khe co, 40m bố trí 1 khe dẫn. Khe co, khe dẫn phân theo chiều vuông góc với mặt đường.

- Khe co vật liệu làm bằng nhựa đường:

+ Chiều rộng khe: $b = 1\text{cm}$;

+ Chiều sâu khe: 4,5cm;

- Khe dẫn vật liệu gồm nhựa đường và gỗ:

+ Chiều rộng khe: $b = 2,5\text{cm}$;

+ Chiều sâu khe: $h = 20\text{cm}$ trong đó phần gỗ ở bên dưới sâu 15,5cm, phần matit ở bên trên có chiều sâu 4,5cm;

f. Hệ thống thoát nước:

- **Thoát nước dọc:** Thoát nước theo hệ thống thoát nước hiện trạng.

- **Thoát nước ngang:**

Xây dựng 02 công ngang đường cụ thể như sau:

Tên công	Lý trình	Khẩu độ D và (BxH)
1	Km0+5,65	Cống tròn BTCTĐS D400
2	Km0+137,64	Cống tròn BTCTĐS D400

- Giải pháp kết cấu:

+ Công tròn: Sử dụng ống công BTCT đúc sẵn (tải trọng HL93); cống đặt trên lớp

BTXM mác 200, đá 2x4; cát đệm dày 10cm, gia cố nền móng cọc tre đường kính D6-8cm, dài 2,0m, mật độ 20 cọc/m², tường đầu, tường ngực xây gạch không nung VXM mác 75, phần lộ thiên trát VXM mác 75.

g. Thiết kế khác:

Thiết kế tường chắn đất xây gạch không nung hai bên lề đường. Kết cấu: Móng bằng bê tông mác 200, đá 2x4, dưới đá dăm lót 2x4 dày 10cm. Thân tường xây gạch không nung VXM mác 75, trát VXM mác 75 mặt đỉnh tường và gờ chắn bánh; đỉnh tường lề phía trái bố trí gờ chắn bánh bằng gạch không nung đặt trên đỉnh giằng mật độ 1m/1 gờ. Dọc theo chiều dài tường 10m bố trí 1 khe lún giấy giằng tấm nhựa đường 2 lớp, 2m một ống thoát nước D50, vải địa kỹ thuật kích thước 50x50cm bịt đầu ống. Phần móng lề đường bên trái gia cố móng tường bằng cọc tre $L = 2,5\text{m}$, $n = 25$ cọc/m², đỉnh tường lề bên trái bố trí giằng bê tông cốt thép mác 200, đá 1x2.

Ví trí xây dựng tường chắn đất như sau:

Số thứ tự	Lý trình		Chiều dài tường L (m)
TƯỜNG XÂY GẠCH			
Tường bên trái			
1	Km0+4,47	Km0+31,56	27,09
2	Km0+135,02	Km0+354,67	221,11
Tổng tường lề trái			248,20
Tường bên phải			
1	Km0+7,93	Km0+138,54	127,93
	Km0+145,03	Km0+406,54	258,87
Tổng tường lề phải			386,80

h. Hệ thống an toàn giao thông:

Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ 41/2019/BGTVT.

(Chi tiết xem hồ sơ bản vẽ)

V. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THI CÔNG:

7.1. Các biện pháp kỹ thuật – công nghệ:

- Áp dụng các công nghệ tiên tiến để thi công công trình, khi đi vào xây dựng chủ yếu sử dụng các loại máy như sau: máy đào từ 0,4-1,2m³, máy ủi 110CV, máy lu tĩnh, lu rung, ô tô vận chuyển 10T, 7T, 5T, máy đầm cóc, các vị trí khó thi công bằng máy do địa hình hoặc do các yếu tố khác kết hợp thi công bằng thủ công nhưng vẫn phải đảm bảo các yếu tố kỹ thuật...

- Tận dụng các công xưởng có thể chế tạo các cấu kiện bê tông như tấm đan, tấm bản, ... cố gắng giảm thiểu các khối lượng phải chế tạo tại hiện trường.

- Khi thi công mặt đường dùng phương pháp cuốn chiếu để đảm bảo sự đồng đều của các lớp và độ bằng phẳng của mặt đường theo yêu cầu kỹ thuật.

- Khi thi công cần có biện pháp an toàn giao thông như biển báo công trường đang thi công, rào chắn, ...

- Thi công cơ giới cần có biện pháp hữu hiệu để bảo vệ các công trình lân cận.

7.2. Yêu cầu vật liệu:

- Đất đắp là loại đất á sét, không lẫn cỏ rác.

- Xi măng, cốt thép, cát vàng, đá các loại đạt tiêu chuẩn Quy trình Thi công và nghiệm thu Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối TCVN 4453-1995.

- Đá và nhựa đường đảm bảo tiêu chuẩn TCVN 8863 : 2011 Mặt đường láng nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu.

- Cấp phối đá dăm, phải đạt tiêu chuẩn theo Quy trình thi công và nghiệm thu cấp phối đá dăm TCVN 8859 : 2011. Cụ thể như sau:

a. Vật liệu đất đắp dùng cho thi công đắp lề và taluy:

Vật liệu đất đắp có thể là sét lẫn sỏi sạn, hoặc đất sét pha cát, hoặc sét có độ dẻo trung bình và có chỉ số dẻo ≥ 7 theo TCVN 4054-05.

b. Yêu cầu đối với vật liệu CPĐD làm lớp móng:

Cấp phối đá dăm, phải đạt tiêu chuẩn theo Quy trình thi công và nghiệm thu cấp phối đá dăm TCVN 8859 : 2011. Cụ thể như sau:

Kích cỡ mắt sàng vuông (mm)	Tỷ lệ % lọt qua sàng
	$D_{\max} = 37,5(\text{mm})$
50	100
37,5	95 – 100
25,0	-
19	58 – 78
9,5	39 – 59
4,75	24 – 39
2,36	15 – 30
0,425	7 – 19
0,075	2 – 12

Bảng 2: Các chỉ tiêu cơ lý yêu cầu của vật liệu CPĐD

TT	Chỉ tiêu	Cấp phối đá dăm	Phương pháp thử
		Loại II	
1	Độ hao mòn Los-Angeles của cốt liệu (LA), %	≤ 35 40	TCVN 7572 - 12 : 2006

2	Chỉ số sức chịu tải CBR tại độ chặt K98, ngâm nước 96 h, %	≥ 100 -	22 TCN 332 - 06
3	Giới hạn chảy (WL) ¹⁾ , %	≤ 25 35	TCVN 4197 : 2012
4	Chỉ số dẻo (IP) ²⁾ , %	≤ 6 6	TCVN 4197 : 2012
5	Tích số dẻo (PP = Chỉ số dẻo IP x % lượng lọt qua sàng 0,075 mm)	≤ 45 60	
6	Hàm lượng hạt thoi dẹt ³⁾ , %	≤ 18 20	TCVN 7572 - 2006
7	Độ chặt đầm nén (K _{yc}), %	≥ 98 98	22 TCN 332 – 06 (phương pháp II-D)

Ghi chú:

- 1) Giới hạn chảy, giới hạn dẻo được xác định bằng thí nghiệm với thành phần hạt lọt qua sàng 0,425 mm.
- 2) Tích số dẻo PP có nguồn gốc tiếng anh là Plasticity Product
- 3) Hạt thoi dẹt là hạt có chiều dày hoặc chiều ngang nhỏ hơn hoặc bằng 1/3 chiều dài; Thí nghiệm được thực hiện với các hạt có đường kính lớn hơn 4,75 mm và chiếm trên 5% khối lượng mẫu; Hàm lượng hạt thoi dẹt của mẫu lấy bằng bình quân gia quyền của các kết quả đã xác định cho từng cỡ hạt.

Nhà thầu phải đệ trình kết quả thí nghiệm và mẫu vật liệu đối chứng lên kỹ sư tư vấn để xem xét, chấp thuận trước khi khai thác, tập kết và đưa vật liệu vào sử dụng trên công trường.

7.3. Trình tự và phương pháp thi công:

Sau khi làm tốt công tác chuẩn bị cần thi công theo các trình tự sau:

- Công tác chuẩn bị mặt bằng.
- Thi công công trình thoát nước.
- Thi công nền đường.
- Thi công tường chắn
- Thi công mặt đường.
- Công tác hoàn thiện.

7.3.1. Chuẩn bị mặt bằng thi công: Dọn vệ sinh mặt bằng. Đánh cấp, đào bùn, đào hữu cơ. Gia cố cọc tre.

7.3.2. Thi công đắp lè: Đắp lè thành từng lớp chiều dày 20-30cm, dùng đầm cóc đầm đạt độ chặt yêu cầu.

7.3.3. Thi công công trình thoát nước:

- Các cấu kiện bê tông đúc sẵn có thể đúc tại công xưởng vận chuyển đến công trường hoặc bãi đúc tại công trường. Vận chuyển được tiến hành bằng ô tô kết hợp với cầu vận chuyển và nhân lực. Chiều dài thi công cần đưa ra cho phù hợp với điều kiện nhân lực của đơn vị thi công để đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công công trình.

- Định vị tim công thoát nước.

- Đào đất hố móng:

+ Trước khi đào móng tiến hành công tác định vị tim cống bằng máy trắc đạc. Để đảm bảo cao độ đáy móng thì trong quá trình thi công thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi giám sát và việc kiểm tra cao độ đáy móng được tiến hành kiểm tra bằng máy thủy bình.

+ Tiến hành đào móng bằng cơ giới kết hợp với thủ công. Trước khi tính toán đào cần tính toán lượng đất cần lấp lại hai bên rãnh, lượng đất thừa còn lại được vận chuyển ran gay khỏi công trường bằng xe chuyên dụng có bạt che. Khi đào gần đến cốt thiết kế tiến hành đào, sửa hố móng thủ công cho tới cốt thiết kế nhằm tránh phá hoại kết cấu của đất dưới đáy móng. Sử dụng máy đầm cóc đầm phẳng nền rồi mới tiến hành thi công các việc tiếp theo.

- Gia cố móng cống.

- Đệm móng bằng đá dăm.

- Đổ móng cống; lắp đặt đế cống, lắp đặt cống.

- Đắp trả hố móng theo từng lớp, đầm chặt bằng đầm cóc.

- Công tác bê tông, cốt thép đảm bảo theo tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu hiện hành.

7.3.4. Thi công móng cấp phối đá dăm:

a) Yêu cầu vật liệu – Công tác tập kết vật liệu vào mặt bằng thi công:

- Cấp phối đá dăm loại II $D_{max} = 37,5$ (mm) dùng làm lớp móng dưới.

- Vật liệu CPĐD, sau khi được chấp thuận đưa vào sử dụng trong công trình, được tập kết đến mặt bằng thi công bằng cách:

+ Đổ thành các đồng trên mặt bằng thi công với khoảng cách giữa các đồng vật liệu phải được tính toán và không quá 10m.

+ Sơ đồ vận hành của các xe tập kết vật liệu, khoảng cách giữa các đồng vật liệu phải được dựa vào kết quả của công tác thi công thí điểm.

- CPĐD đã được vận chuyển đến vị trí thi công nên tiến hành thi công ngay nhằm tránh ảnh hưởng đến chất lượng và gây cản trở giao thông.

b) Yêu cầu về chế độ ẩm của vật liệu CPĐD:

- Phải đảm bảo vật liệu CPĐD luôn ở độ ẩm nằm trong phạm vi độ ẩm tối ưu ($W_o \pm 2\%$) trong suốt quá trình chuyên chở, tập kết, san hoặc rải và lu lèn. Trước và trong quá trình thi công, cần phải kiểm tra và điều chỉnh kịp thời độ ẩm của vật liệu CPĐD.

- Nếu vật liệu khô, phải được nước bổ sung bằng vòi tưới dạng mưa và không được rửa trôi các hạt mịn. Nên kết hợp việc bổ sung độ ẩm ngay trong quá trình san rải, lu lèn.

- Nếu độ ẩm lớn hơn phạm vi độ ẩm tối ưu thì phải rải ra để hong khô trước khi lu lèn.

c) Công tác san rải CPĐD:

- Sử dụng máy san để rải lớp móng CPĐD loại II có biện pháp chống phân tầng của vật liệu.

- Phải thường xuyên kiểm tra cao độ, độ bằng phẳng, dốc ngang, độ ẩm, độ đồng đều trong suốt quá trình san rải.

d) Công tác lu lèn:

- Phải lựa chọn và phối hợp các loại lu trong sơ đồ lu lèn. Thông thường sử dụng lu nhẹ với vận tốc chậm để lu những lượt đầu, sau đó sử dụng lu có tải trọng nặng lu tiếp đến độ chặt yêu cầu.

- Số lần lu lèn phải đảm bảo đồng đều đối với tất cả các điểm trên mặt móng, đồng thời phải đảm bảo độ bằng phẳng sau khi lu lèn.

- Việc lu lèn phải thực hiện từ chỗ thấp đến chỗ cao, vệt bánh lu sau chồng lên vệt bánh lu trước 20-25 cm. Những đoạn đường thẳng, lu từ mép vào tim đường và ở các đoạn cong lu từ bụng đường cong dần vào lưng đường cong.

- Ngay sau giai đoạn lu lèn sơ bộ, phải tiến hành ngay công tác kiểm tra cao độ, độ dốc ngang, độ bằng phẳng. Phát hiện những vị trí bị lỗi lổm, phân tầng để bù phụ, sửa chữa kịp thời.

- Nếu thấy có hiện tượng khác thường như rạn nứt, gợn sóng, xô dồn hoặc rời rạc không chặt ... phải dùng lu, tìm nguyên nhân, xử lý triệt để rồi mới được lu tiếp. Tất cả các công tác này phải hoàn tất trước khi đạt được 80% công lu.

- Nếu phải bù phụ sau khi đã lu lèn xong, thì bề mặt móng CPĐD đó phải được cày xới với chiều dày tối thiểu là 5cm trước khi bù phụ lại.

- Sơ đồ công nghệ lu lèn áp dụng để thi công đại trà cho từng lớp vật liệu như loại lu sử dụng, trình tự lu, số lần lu phải được xây dựng trên cơ sở thi công thí điểm lớp móng.

7.3.5. Thi công mặt đường bê tông:

- Chuẩn bị nguồn nước sạch, bãi trộn, kiểm tra vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho công tác đổ bê tông.

– Cân, đóng vật liệu để tiến hành thiết kế thành phần cấp phối theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

– Kiểm tra độ sụt bê tông và chỉ được đổ bê tông khi giám sát chủ đầu tư đồng ý.

– Vận chuyển bê tông bằng xe rùa, tránh để bị phân tầng, tạo sơ đồ vận chuyển hợp lý không chống chéo, tránh va chạm lẫn nhau.

– Đổ bê tông thành từng đợt và tiến hành đầm tránh mất nước xi măng, tránh rỗ. – Sau khi đổ bê tông xong tiến hành bảo dưỡng bê tông theo đúng quy định hiện hành.

7.3.5. An toàn giao thông:

Lắp đặt bổ sung biển báo hiệu đường bộ.

7.3.6. Hoàn thiện nền, mặt đường:

- Hoàn thiện phần mặt đường. Hoàn thiện đắp đất.

- Lưu ý: trong quá trình thi công các bước thi công phải được nghiệm thu, giám sát theo đúng trình tự xây dựng cơ bản hiện hành.

7.4. Đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh an toàn lao động:

- Đảm bảo an toàn giao thông: Trong quá trình thi công phải đảm bảo an toàn giao thông cho phương tiện tham gia giao thông trên tuyến đường.

- Vệ sinh an toàn lao động: Trong quá trình triển khai thi công công tác vệ sinh an toàn lao động phải luôn được đảm bảo.

Người lập

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HÙNG - AN THÀNH

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../BC-KQTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

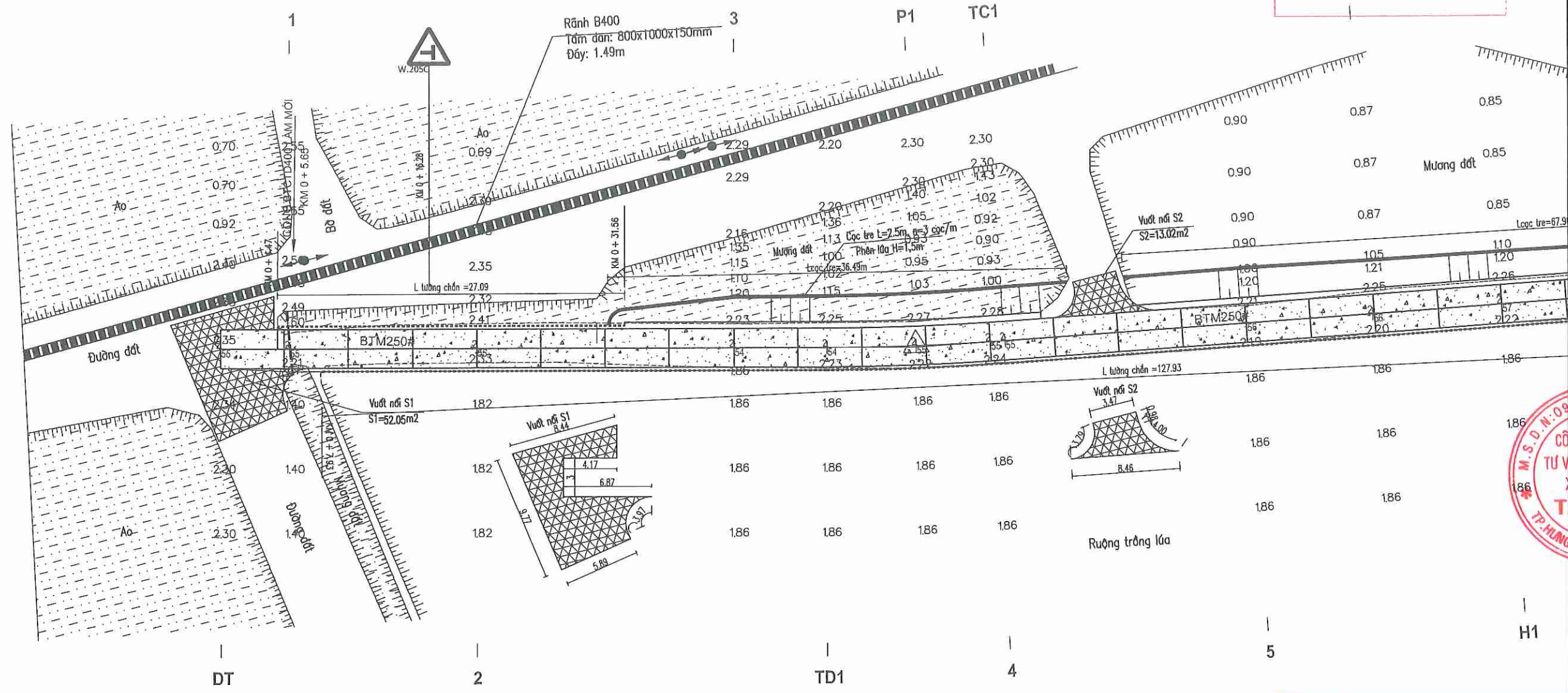
Ký tên:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HƯNG - AN THÀNH

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../BC-KQTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên: D2



GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ ĐƠN VỊ LÀ CM, CAO TRÌNH LÀ M.
- SỬ DỤNG HỆ TỌA ĐỘ, CAO ĐỘ VN2000, MỐC CAO ĐỘ M1=3.37 GỬI MÈP ĐƯỜNG CUỐI TUYẾN

GIẢI PHÁP KỸ THUẬT THI CÔNG:

1. NỀN, MẶT ĐƯỜNG:

- ĐÀO KHUÔN ĐƯỜNG BẰNG MÁY KẾT HỢP THỦ CÔNG.
- ĐÁP ĐẤT NÉN, LẾ ĐƯỜNG BẰNG MÁY KẾT HỢP THỦ CÔNG, ĐỘ CHẶT K=0,90.
- * KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG (TỪ TRÊN XUỐNG DƯỚI):
- BÊ TÔNG XI MĂNG M250# ĐÁ 2X4 DÀY 20CM.
- NILON LỘT TÁI SINH
- ĐỆM CÁT VÀNG TẠO PHẪNG DÀY TB 3CM
- LỚP CẤP PHỐI ĐÁ DẦM LOẠI II DÀY 15CM.
- CÁT ĐEN ĐẦM CHẶT K=0.95 DÀY 30CM
- LỚP CÁT TÔN NÉN ĐẦM CHẶT K=0.95 (NẾU CÓ)

2. PHẦN TẮM BÊ TÔNG:

- CỬ 5M BỐ TRÍ 1 KHE CỎ, 40M BỐ TRÍ 1 KHE DẪN.

3. THOÁT NƯỚC:

- * THOÁT NƯỚC DỌC: THOÁT NƯỚC THEO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC HIỆN TRẠNG;
- * THOÁT NƯỚC NGANG:
- LÂM MỜI CỐNG QUA ĐƯỜNG BẰNG CỐNG TRÒN BTCTĐS TẠI CÁC VỊ TRÍ: CỐNG TRÒN BTCTĐS D400 TẠI KM0+5.65; VÀ TẠI KM0+137.64.

4. THIẾT KẾ KHÁC:

- + THIẾT KẾ TƯỜNG CHẮN ĐẤT XÂY GẠCH KHÔNG NUNG HAI BÊN LỀ ĐƯỜNG. KẾT CẤU: MÓNG BẰNG BÊ TÔNG MẮC 200, ĐÁ 2X4, DƯỚI ĐÁ DẦM LỘT 2X4 DÀY 10CM; THÂN TƯỜNG XÂY GẠCH KHÔNG NUNG VXM MẮC 75, PHẦN LỘ THIÊN TRẮT VXM MẮC 75; DỌC THEO CHIỀU DÀI KÉNH BỐ TRÍ KHE LÙN GIẤY DẦU TẮM NHỰA ĐƯỜNG 2 LỚP MẶT ĐỘ 10M/ KHE.; 2M MỘT ỚNG NHỰA THOÁT NƯỚC D50, VÀI ĐỊA KÍCH THƯỚC (50X50) CM BỊT ĐẦU ỚNG. TRÊN ĐỈNH TƯỜNG PHÍA LỀ TRÁI XÂY GỖ CHẮN BÁNH BẰNG GẠCH KHÔNG NUNG KÍCH THƯỚC AXBXH= (1X0.22X0.3)M, KẾT CẤU TƯỜNG XÂY GẠCH KHÔNG NUNG VXM MẮC 75, TRẮT VXM MẮC 75. PHẦN MÓNG LỀ ĐƯỜNG BÊN TRÁI GIA CỐ BẰNG CỌC TRE L=2,5M, N= 25 CỌC/M2; ĐỈNH TƯỜNG PHÍA LỀ TRÁI BỐ TRÍ GIẢNG DỌC BẰNG BTCT MẮC 250, ĐÁ 1X2

5. AN TOÀN GIAO THÔNG:

- + BỐ TRÍ HỆ THỐNG AN TOÀN GIAO THÔNG THEO QCVN 41:2019/BGTVT

UBND XÃ NGUYỄN TRÃI
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../
Ngày.....tháng.....năm.....
Người thẩm định ký tên:

1	
2	
3	

CHỦ ĐẦU TƯ:

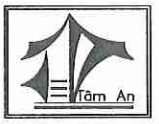
**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI**

ĐỊA CHỈ:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ỚNG CHIÊM ĐẾN NHÀ ỚNG MINH)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:


**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN**
ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG SƠN NAM, TỈNH HUNG YÊN
ĐT: 0988 067 866 - EMAIL: TAMD@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN
NGUYỄN ĐỨC TÂM

KS. NGUYỄN VĂN HUY

THIẾT KẾ:
Kien
KS. ĐÌNH TRUNG KIẾN

KIỂM TRA:
Lgtang
KS. LÊ GIA TĂNG

HẠNG MỤC:

**NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN
GIAO THÔNG**

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ

TỶ LỆ: 1/350
BẢN VẼ SỐ: TA2025-ĐCN: 01
HOÀN THÀNH: NĂM 2025
HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ - KỸ THUẬT

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HÙNG - AN THÀNH

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../BC-KQT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

ĐỊA CHỈ:

XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

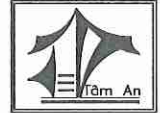
CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG
THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN
NHÀ ÔNG MINH)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG SƠN NAM, TỈNH HUNG YÊN
ĐT: 0998 067 866 - EMAIL: TVXD.TAMAN@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

TƯ VẤN KIẾN TRÚC
XÂY DỰNG
TÂM AN

NGUYỄN ĐỨC TÂM

CHỦ TRÌ

[Signature]

KS. NGUYỄN VĂN HUY

THIẾT KẾ

[Signature]

KS. ĐINH TRUNG KIẾN

KIỂM TRA

[Signature]

KS. LÊ GIA TĂNG

HẠNG MỤC:

NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN
GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

1/350

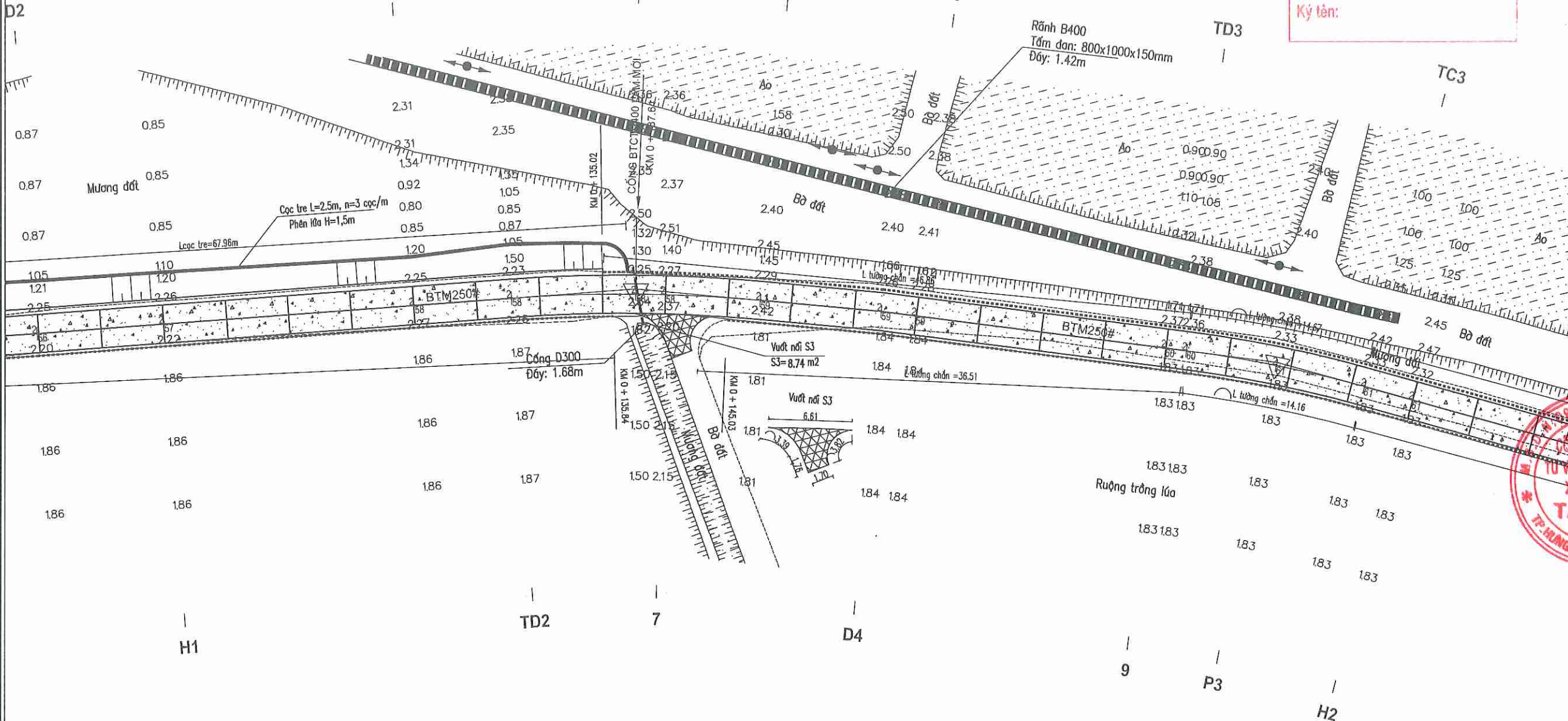
BẢN VẼ SỐ:

TA2025- ĐCN: 02

HOÀN THÀNH

NĂM 2025

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT



UBND XÃ NGUYỄN TRÃI
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

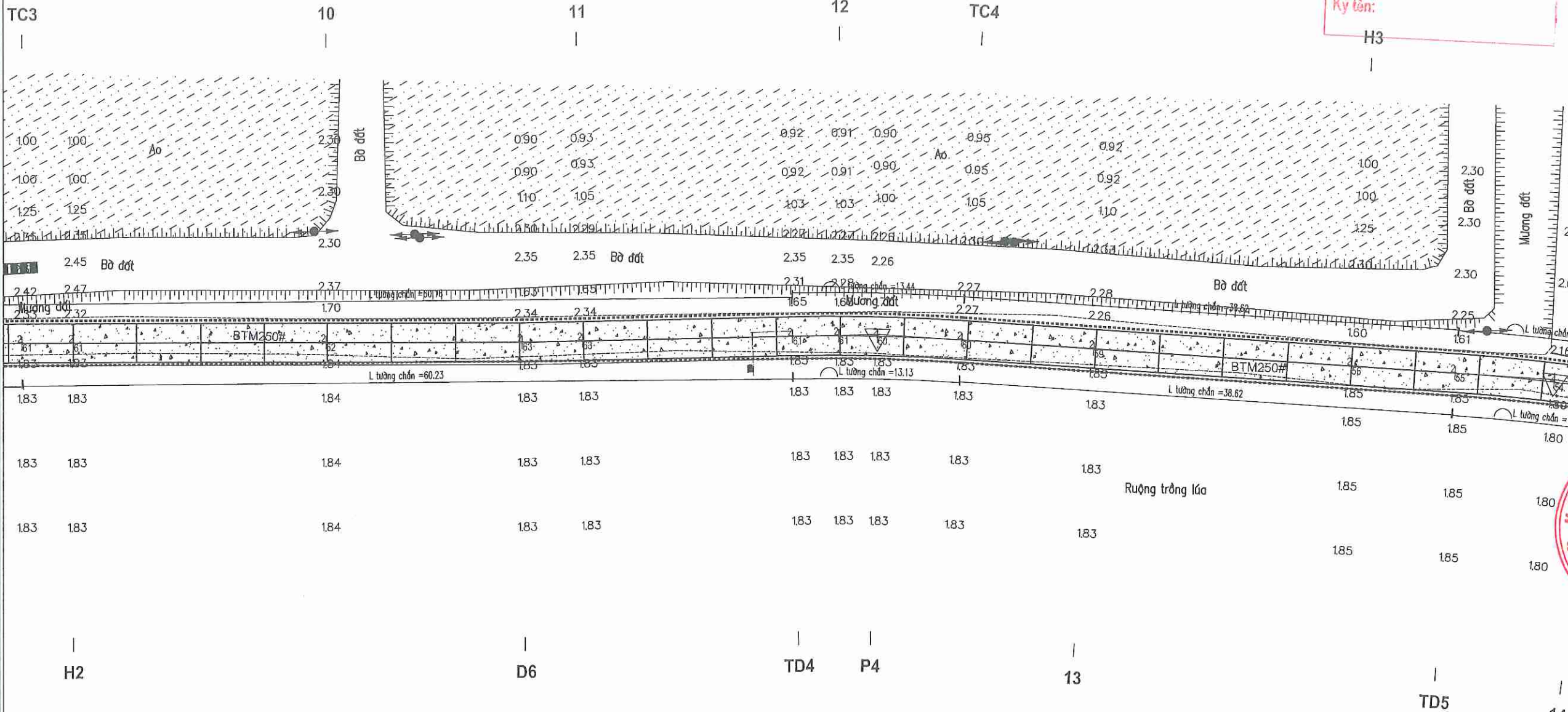
Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người thẩm định ký tên:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HÙNG - AN THÀNH
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../BC-KQT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:
H3



1	
2	
3	

CHỦ ĐẦU TƯ:
**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI**
ĐỊA CHỈ:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN
CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG
THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN
NHÀ ÔNG MINH)
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN**
ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG SƠN NAM, TỈNH HUNG YÊN
ĐT: 0988 067 666 - EMAIL: TVXD.TAMAN@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC
**CÔNG TY TNHH
TƯ VẤN KIẾN TRÚC
XÂY DỰNG
TÂM AN**
NGUYỄN ĐỨC TÂM
CHỦ TRƯỞNG

KS. NGUYỄN VĂN HUY

THIẾT KẾ

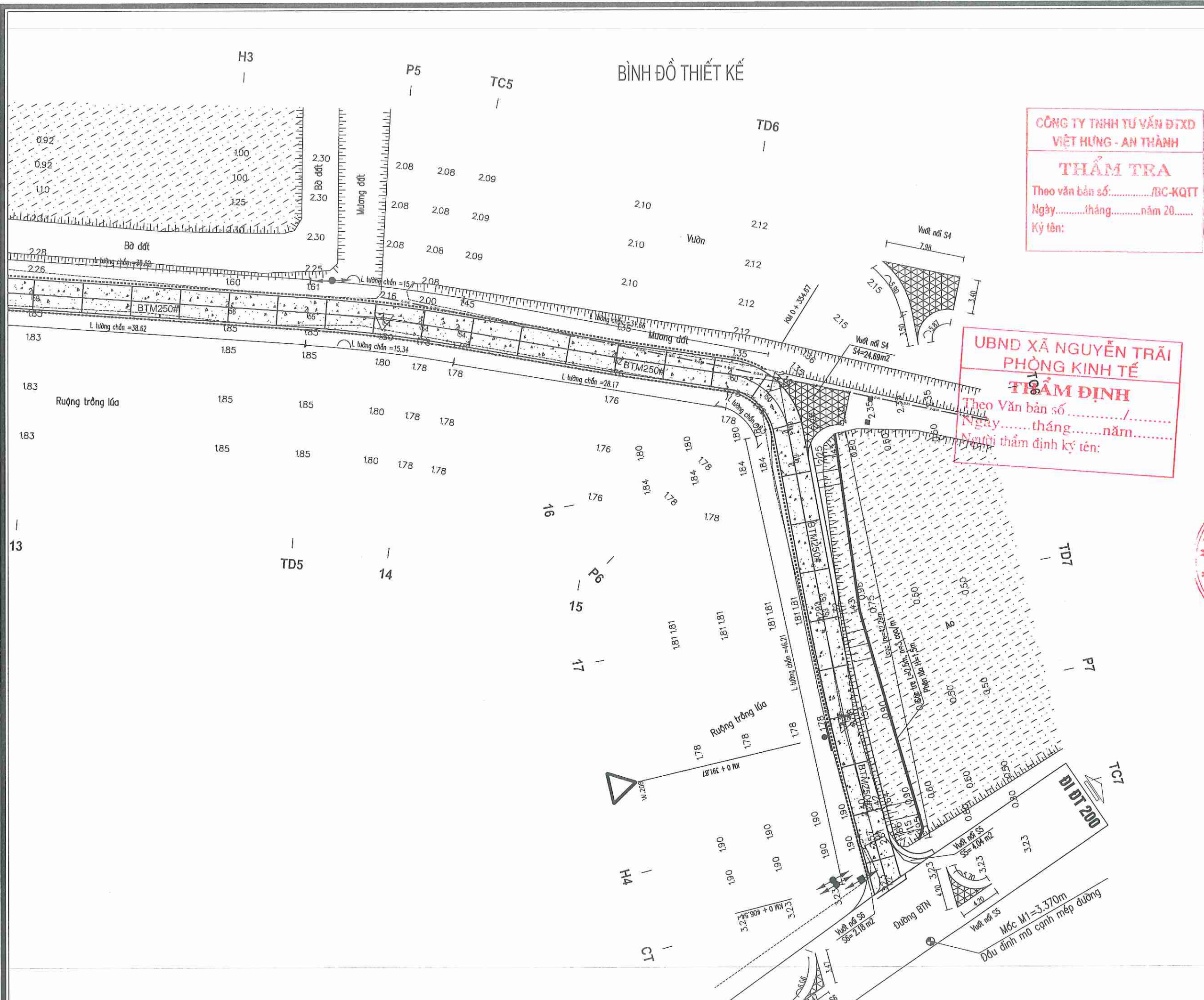
KS. ĐINH TRUNG KIẾN

KIỂM TRA

KS. LÊ GIA TĂNG

HẠNG MỤC:
**NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN
GIAO THÔNG**
TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TỶ LỆ: 1/350
BẢN VẼ SỐ: TA2025- ĐCN: 03
HOÀN THÀNH: NĂM 2025
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

UBND XÃ NGUYỄN TRÃI:
PHÒNG KINH TẾ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../
Ngày.....tháng.....năm.....
Thẩm định ký tên:



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HÙNG - AN THÀNH

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../BC-KQTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

**UBND XÃ NGUYỄN TRÃI
PHÒNG KINH TẾ**

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../
Ngày.....tháng.....năm.....
Người thẩm định ký tên:

.....	1
.....	2
.....	3

CHỦ ĐẦU TƯ:

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI**

ĐỊA CHỈ:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG
THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN
NHÀ ÔNG MINH)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN**

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG SƠN NAM, TỈNH HUNG YÊN
ĐT: 0988 067 866 - EMAIL: TV20TAMAN@GMAIL.COM

KS. NGUYỄN VĂN HUY

THIẾT KẾ

KS. ĐÌNH TRUNG KIẾN

KIỂM TRA

KS. LÊ GIA TĂNG

HẠNG MỤC:

**NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN
GIAO THÔNG**

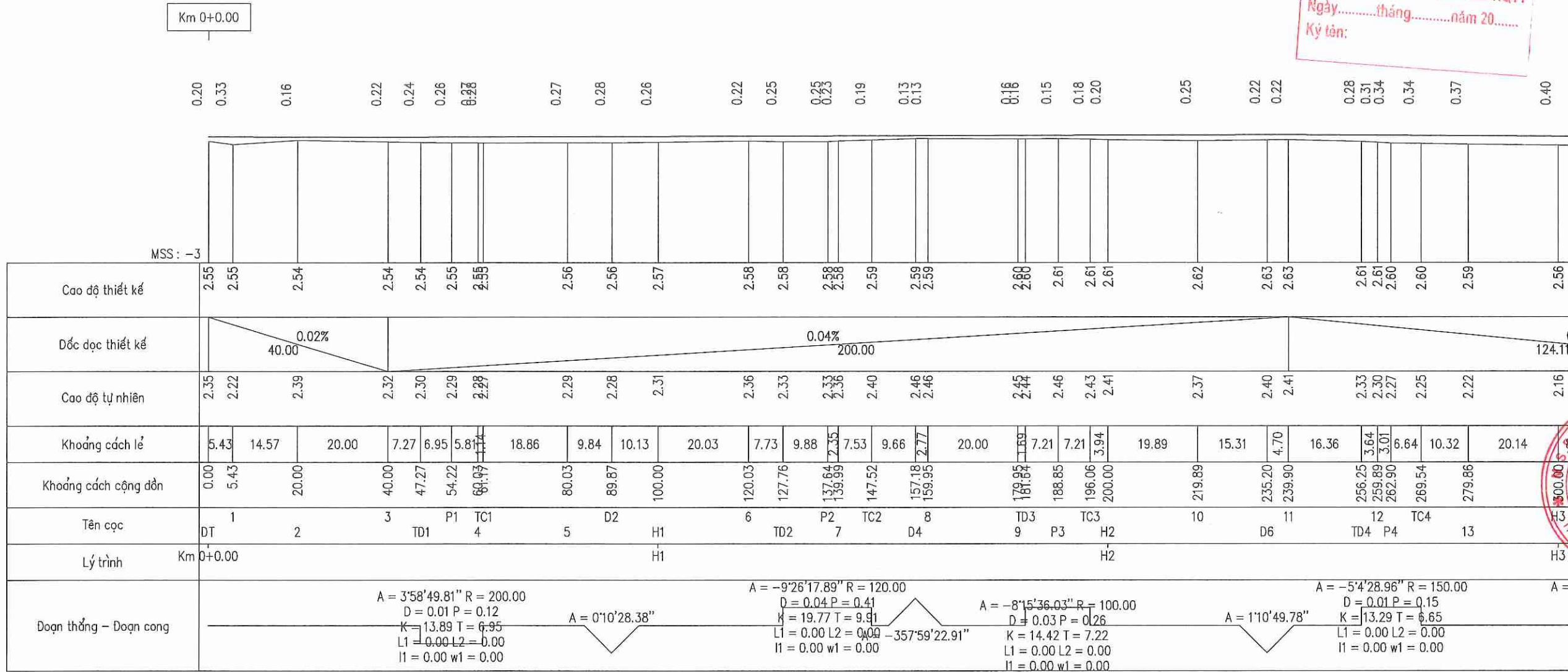
TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ

TỶ LỆ: 1/350 BẢN VẼ SỐ: TA2025-ĐCN: 04

HOÀN THÀNH: NĂM 2025

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HÙNG - AN THÀNH

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../BC-KQTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

.....	1
.....	2
.....	3

CHỦ ĐẦU TƯ:

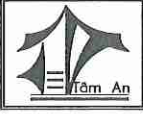
**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI**

ĐỊA CHỈ:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG
THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN
NHÀ ÔNG MINH)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN**

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG SƠN NAM, TỈNH HUNG YÊN
ĐT: 0988 067 966 - EMAIL: TVDTAMAN@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH
TƯ VẤN KIẾN TRÚC
XÂY DỰNG
TÂM AN

NGUYỄN ĐỨC TÂM

CHỦ TRƯỞNG

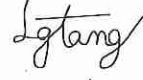
KS. NGUYỄN VĂN HUY

THIẾT KẾ



KS. ĐINH TRUNG KIẾN

KIỂM TRA



KS. LÊ GIA TĂNG

HẠNG MỤC:

**NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN
GIAO THÔNG**

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC DỌC THIẾT KẾ

TỶ LỆ:
1/1000; 1/200

HOÀN THÀNH
NĂM 2025

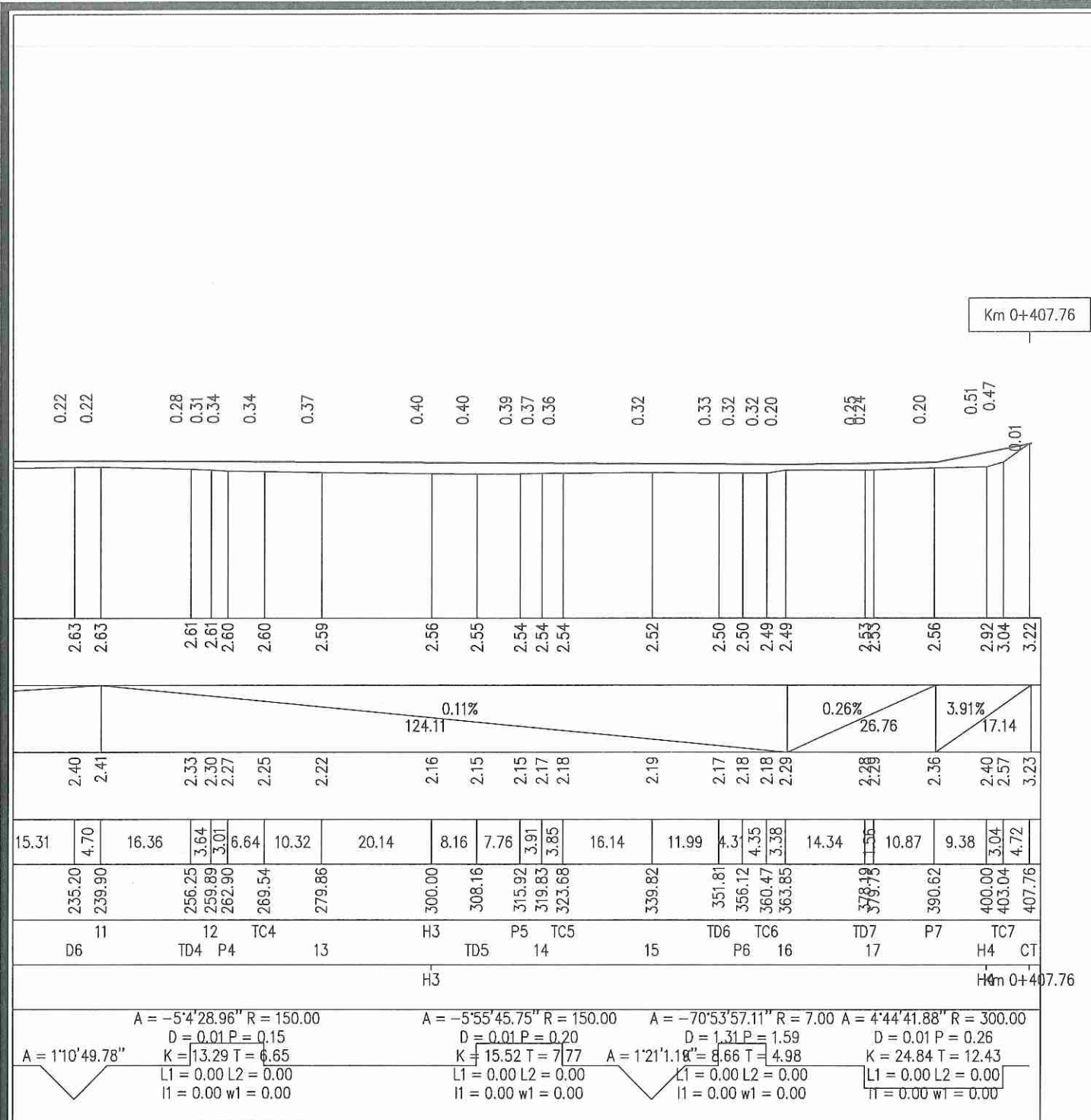
BẢN VẼ SỐ:
TA2025- ĐCN: 05

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

**UBND XÃ NGUYỄN TRÃI
PHÒNG KINH TẾ**

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../
Ngày.....tháng.....năm.....
Người thẩm định ký tên:



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HÙNG - AN THÀNH

THẨM TRA

Theo văn bản số:/BC-KQTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

UBND XÃ NGUYỄN TRÃI
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số/.....
Ngày.....tháng.....năm.....
Người thẩm định ký tên:

.....	1	
.....	2	
.....	3	

CHỦ ĐẦU TƯ:

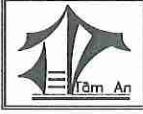
**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI**

ĐỊA CHỈ:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG
THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN
NHÀ ÔNG MINH)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN**

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG SƠN NAM, TỈNH HUNG YÊN
ĐT: 0988 067 866 - EMAIL: TVXD.TAMAN@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC:
TƯ VẤN KIẾN TRÚC
XÂY DỰNG
TÂM AN
HUNG YÊN

CHỦ TRÌ



KS. NGUYỄN VĂN HUY

THIẾT KẾ



KS. ĐÌNH TRUNG KIẾN

KIỂM TRA



KS. LÊ GIA TĂNG

HẠNG MỤC:

**NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN
GIAO THÔNG**

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC DỌC THIẾT KẾ

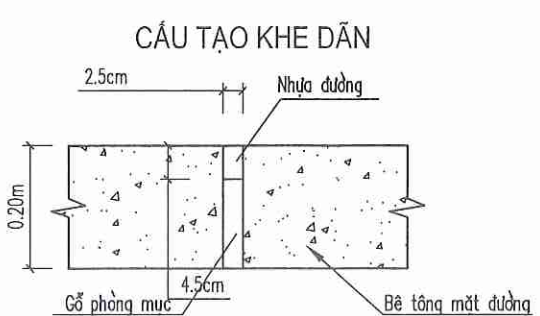
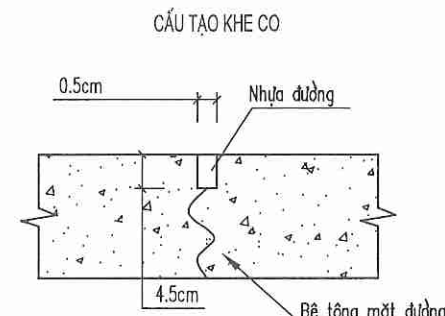
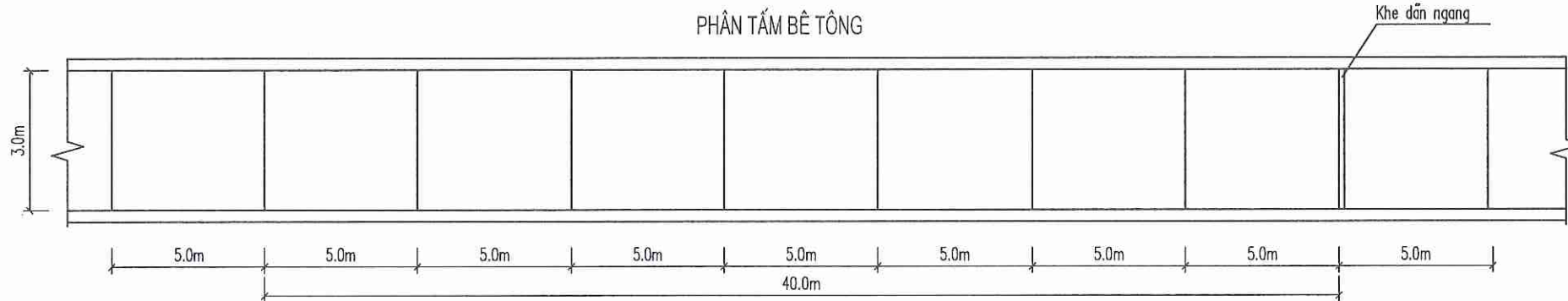
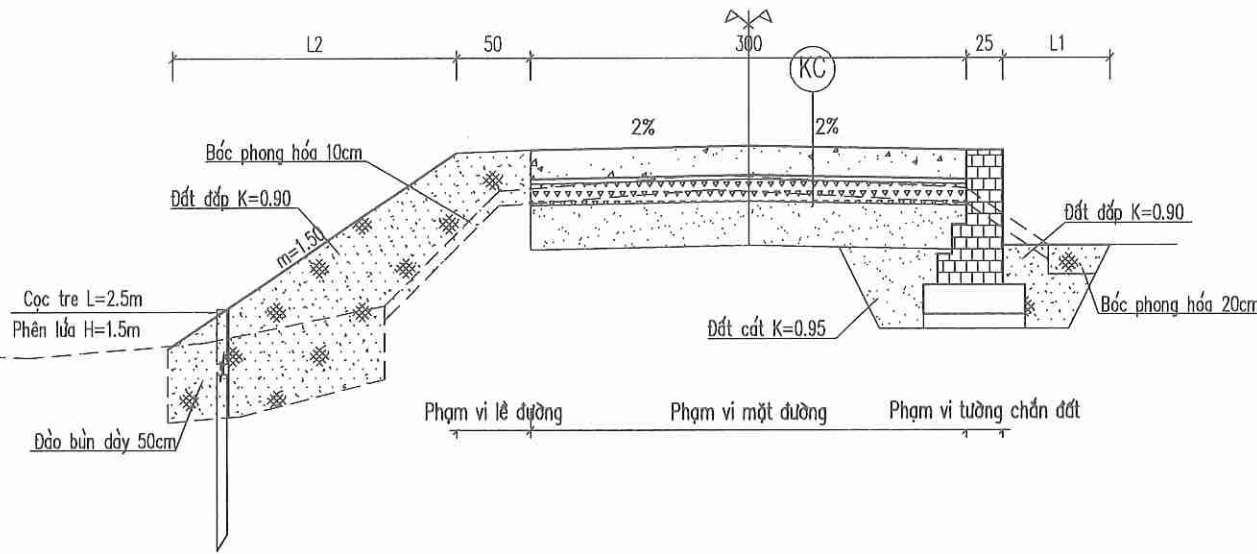
TỶ LỆ:
1/1000; 1/200

BẢN VẼ SỐ:
TA2025-ĐCN: 06

HOÀN THÀNH
NĂM 2025

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

MẶT CẮT NGANG ĐẠI DIỆN ĐOẠN TỪ KM0+20 ĐẾN KM0+ 127.76 VÀ ĐOẠN TỪ KM0+356.12 ĐẾN KM0+407.76 (TL 1/50)



GIẢI PHÁP KỸ THUẬT THI CÔNG:

1. NỀN, MẶT ĐƯỜNG:

- ĐÀO KHUÔN ĐƯỜNG BẰNG MÁY KẾT HỢP THỦ CÔNG.
- ĐÁP ĐẤT NỀN, LỀ ĐƯỜNG BẰNG MÁY KẾT HỢP THỦ CÔNG, ĐỘ CHẶT K=0.90.
- * KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG (TỪ TRÊN XUỐNG DƯỚI):
- BÊ TÔNG XI MĂNG M250# ĐÁ 2X4 DÀY 20CM.
- NILON LÓT TÁI SINH
- ĐỆM CÁT VÀNG TẠO PHẪNG DÀY TB 3CM
- LỚP CẤP PHỐI ĐÁ DẪM LOẠI II DÀY 15CM.
- CÁT ĐEN ĐÁM CHẶT K=0.95 DÀY 30CM
- LỚP CÁT TÔN NỀN ĐÁM CHẶT K=0.95 (nếu có)

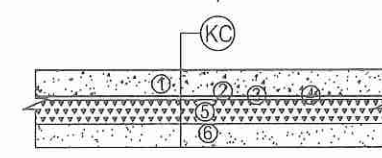
2. PHÂN TẮM BÊ TÔNG:

- CỨ 5M BỐ TRÍ 1 KHE CO, 40M BỐ TRÍ 1 KHE DẪN.

3. THOÁT NƯỚC:

- * THOÁT NƯỚC DỌC: THOÁT NƯỚC THEO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC HIỆN TRẠNG.
- * THOÁT NƯỚC NGANG:
- LÀM MỞI CỐNG QUA ĐƯỜNG BẰNG CỐNG TRÒN BTCTBS TẠI CÁC VỊ TRÍ: CỐNG TRÒN BTCTBS D400 TẠI KM0+5.65; VÀ TẠI KM0+137.64.
- 4. THIẾT KẾ KHÁC:
- + THIẾT KẾ TƯỜNG CHẮN ĐẤT XÂY GẠCH KHÔNG NUNG HAI BÊN LỀ ĐƯỜNG. KẾT CẤU: MÓNG BẰNG BÊ TÔNG MẮC 200, ĐÁ 2X4, DƯỚI ĐÁ ĐÁM LÓT 2X4 DÀY 10CM; THÂN TƯỜNG XÂY GẠCH KHÔNG NUNG VXM MẮC 75, PHẦN LỘ THIÊN TRẮT VXM MẮC 75; DỌC THEO CHIỀU DÀI KÊNH BỐ TRÍ KHE LÙN GIẤY DẦU TẮM NHỰA ĐƯỜNG 2 LỚP MẬT ĐỘ 10M/KHE.; 2M MỘT ỐNG NHỰA THOÁT NƯỚC D50, VẢI ĐỊA KÍCH THUỐC (50X50) CM BỊT ĐẦU ỐNG. TRÊN ĐỈNH TƯỜNG PHÍA LỀ TRÁI XÂY GỖ CHẮN BÁNH BẰNG GẠCH KHÔNG NUNG KÍCH THUỐC AXBXH= (1X0.22X0.3)M, KẾT CẤU TƯỜNG XÂY GẠCH KHÔNG NUNG VXM MẮC 75, TRẮT VXM MẮC 75. PHẦN MÓNG LỀ ĐƯỜNG BÊN TRÁI GIA CỐ BẰNG CỌC TRE L=2.5M, N= 25 CỌC/M2; ĐỈNH TƯỜNG PHÍA LỀ TRÁI BỐ TRÍ GIẢNG DỌC BẰNG BTCT MẮC 250, ĐÁ 1X2
- 5. AN TOÀN GIAO THÔNG:
- + BỐ TRÍ HỆ THỐNG AN TOÀN GIAO THÔNG THEO QCVN 41:2019/BGTVT

KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG



KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG

TT	Ký hiệu	Tên lớp vật liệu
1		Bê tông xi măng m250# đá 2x4 dày 20cm
2		Nilon lót
3		Đệm cát vàng tạo phẳng dày tb 3cm
4		Lớp cấp phối đá dăm loại II dày 15cm
5		Cát đen đăm chặt K=0.95 dày 30cm
6		Lớp cát tôn nền đăm chặt K=0.95 (nếu có)

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HÙNG - AN THÀNH

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../BC-KQTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

UBND XÃ NGUYỄN TRÃI
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người thẩm định ký tên:

1
2
3

CHỦ ĐẦU TƯ:

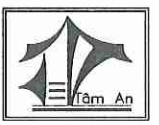
ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

ĐỊA CHỈ:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG
THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN
NHÀ ÔNG MINH)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG SƠN NAM, TỈNH HUNG YÊN
ĐT: 0998 067 866 - EMAIL: TVXD.TAMAN@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN
NGUYỄN ĐỨC TÂM

CHỦ TRÌ
KS. NGUYỄN VĂN HUY

THIẾT KẾ
KS. ĐINH TRUNG KIẾN

KIỂM TRA
KS. LÊ GIA TĂNG

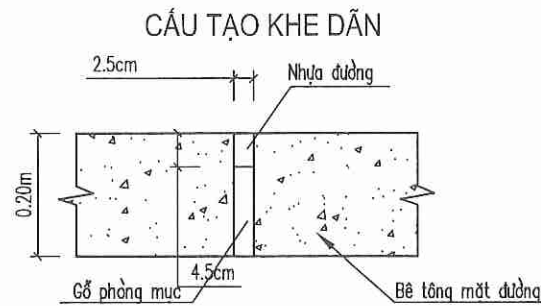
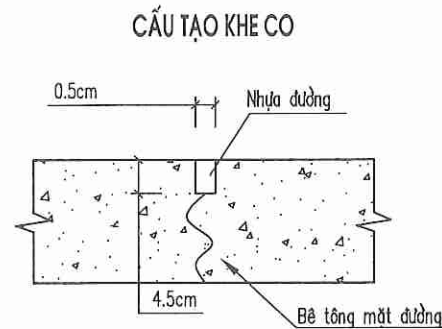
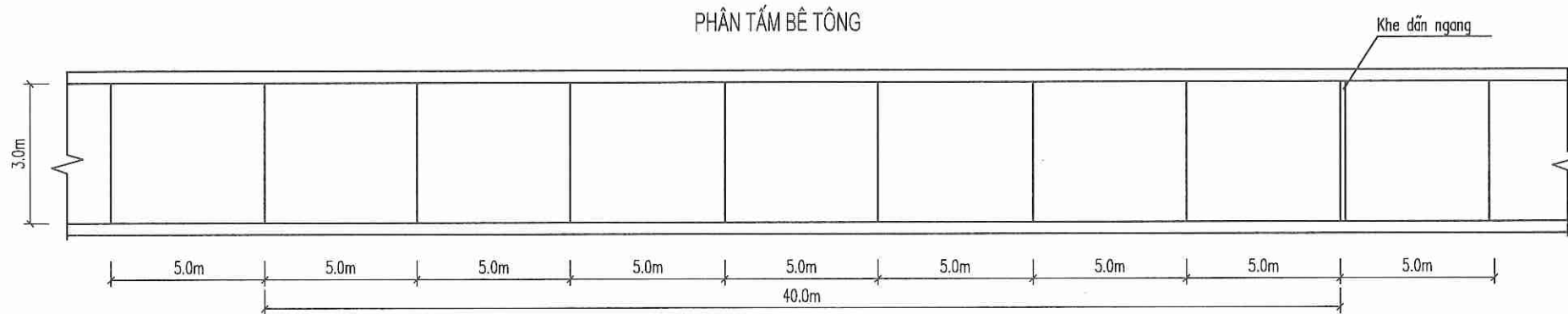
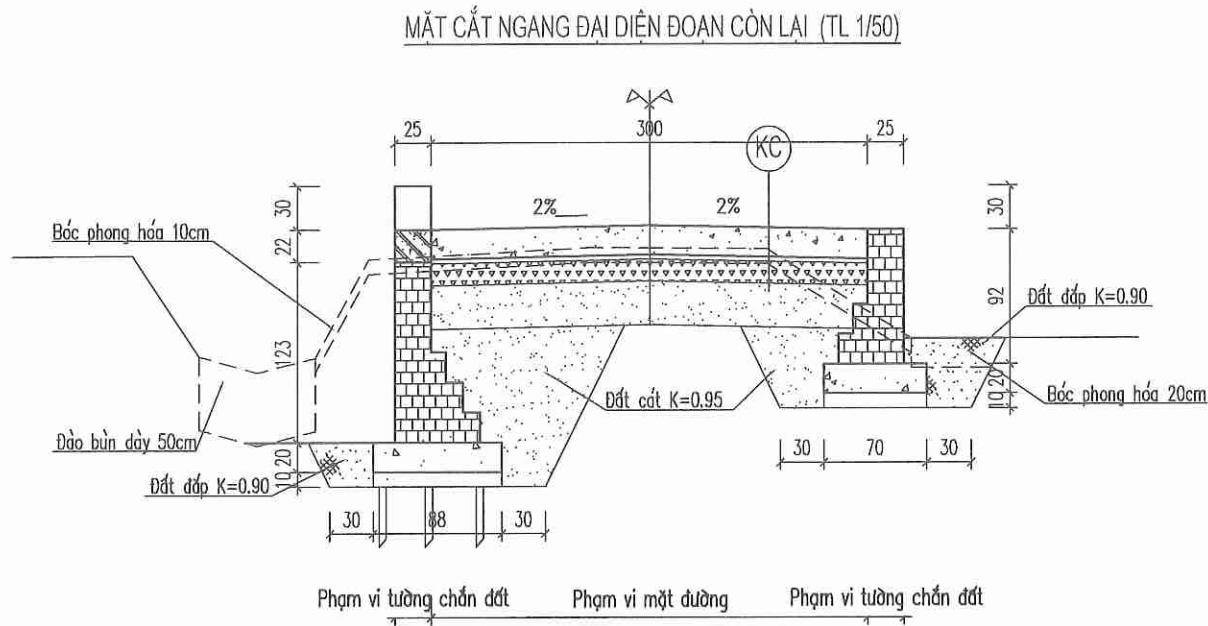
HẠNG MỤC:
NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN
GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT NGANG ĐẠI DIỆN

TỶ LỆ: 1/50
BẢN VẼ SỐ: TA2025- ĐCN: 07

HOÀN THÀNH
NĂM 2025

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT



GIẢI PHÁP KỸ THUẬT THI CÔNG:

1. NỀN, MẶT ĐƯỜNG:

- ĐÀO KHUÔN ĐƯỜNG BẰNG MÁY KẾT HỢP THỦ CÔNG.

- ĐÁP ĐẤT NỀN, LỀ ĐƯỜNG BẰNG MÁY KẾT HỢP THỦ CÔNG, ĐỘ CHẶT K=0.90.

* KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG (TỪ TRÊN XUỐNG DƯỚI):

- BÊ TÔNG XI MĂNG M250# ĐÁ 2X4 DÀY 20CM.

- NILON LÓT TÁI SINH

- ĐỆM CÁT VÀNG TẠO PHẪNG DÀY TB 3CM

- LỚP CẤP PHỐI ĐÁ DẪM LOẠI II DÀY 15CM.

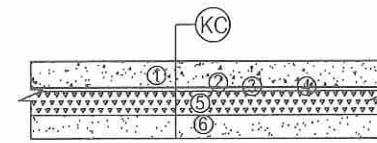
- CÁT ĐEN ĐÁM CHẶT K=0.95 DÀY 30CM

- LỚP CÁT TÔN NỀN ĐÁM CHẶT K=0.95 (NẾU CÓ)

2. PHÂN TẮM BÊ TÔNG:

- CỨ 5M BỐ TRÍ 1 KHE CO, 40M BỐ TRÍ 1 KHE DẪN.

KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG



TT	Ký hiệu	Tên lớp vật liệu
1		Bê tông xi măng m250# đá 2x4 dày 20cm
2		Nilon lót
3		Đệm cát vàng tạo phẳng dày tb 3cm
4		Lớp cấp phối đá dăm loại II dày 15cm
5		Cát đen đăm chặt K=0.95 dày 30cm
6		Lớp cát tôn nền đăm chặt K=0.95 (nếu có)

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HƯNG - AN THÀNH

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../BC-KQTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

UBND XÃ NGUYỄN TRÃI
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người thẩm định ký tên:

3. THOÁT NƯỚC:

* THOÁT NƯỚC DỌC: THOÁT NƯỚC THEO HỆ THỐNG-THOÁT NƯỚC HIỆN TRẠNG;

* THOÁT NƯỚC NGANG:

- LÀM MỚI CỐNG QUA ĐƯỜNG BẰNG CỐNG TRÒN BTCTĐS TẠI CÁC VỊ TRÍ: CỐNG TRÒN BTCTĐS D400 TẠI KM0+5.65; VÀ TẠI KM0+137.64.

4. THIẾT KẾ KHÁC:

+ THIẾT KẾ TƯỜNG CHẮN ĐẤT XÂY GẠCH KHÔNG NUNG HAI BÊN LỀ ĐƯỜNG. KẾT CẤU: MÓNG BẰNG BÊ TÔNG MÁC 200, ĐÁ 2X4, DƯỚI ĐÁ ĐÁM LÓT 2X4 DÀY 10CM; THÂN TƯỜNG XÂY GẠCH KHÔNG NUNG VXM MÁC 75, PHẦN LỘ THIÊN TRẮT VXM MÁC 75; DỌC THEO CHIỀU DÀI KÉNH BỐ TRÍ KHE LÚN GIẤY DẤU TẮM NHỰA ĐƯỜNG 2 LỚP MẶT ĐỘ 10M/KHE; 2M MỘT ỚNG NHỰA THOÁT NƯỚC D50, VẢI ĐỊA KÍCH THƯỚC (50X50) CM BỊT DẤU ỚNG. TRÊN ĐỈNH TƯỜNG PHÍA LỀ TRÁI XÂY GỠ CHẮN BÁNH BẰNG GẠCH KHÔNG NUNG KÍCH THƯỚC AXBXH= (1X0.22X0.3)M, KẾT CẤU TƯỜNG XÂY GẠCH KHÔNG NUNG VXM MÁC 75, TRẮT VXM MÁC 75. PHẦN MÓNG LỀ ĐƯỜNG BÊN TRÁI GIA CỐ BẰNG CỌC TRE L=2.5M, N= 25 CỌC/M2; ĐỈNH TƯỜNG PHÍA LỀ TRÁI BỐ TRÍ GIẺNG DỌC BẰNG BTCT MÁC 250, ĐÁ 1X2

5. AN TOÀN GIAO THÔNG:

+ BỐ TRÍ HỆ THỐNG AN TOÀN GIAO THÔNG THEO QCVN 41:2019/BGTVT

.....	1	
.....	2	
.....	3	

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

ĐỊA CHỈ:

XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

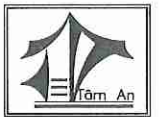
CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG
THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN
NHÀ ÔNG MINH)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG SƠN NAM, TỈNH HUNG YÊN

ĐT: 0888 067 866 - EMAIL:TVXDTAMAN@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN
NGUYỄN ĐỨC TÂM

CHỦ TRÌ:

TRƯỜNG YÊN-T HUNG

KS. NGUYỄN VĂN HUY

THIẾT KẾ:

Kien
KS. ĐINH TRUNG KIẾN

KIỂM TRA:

Lgtang
KS. LÊ GIA TĂNG

HẠNG MỤC:

NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN
GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẮT NGANG ĐẠI DIỆN

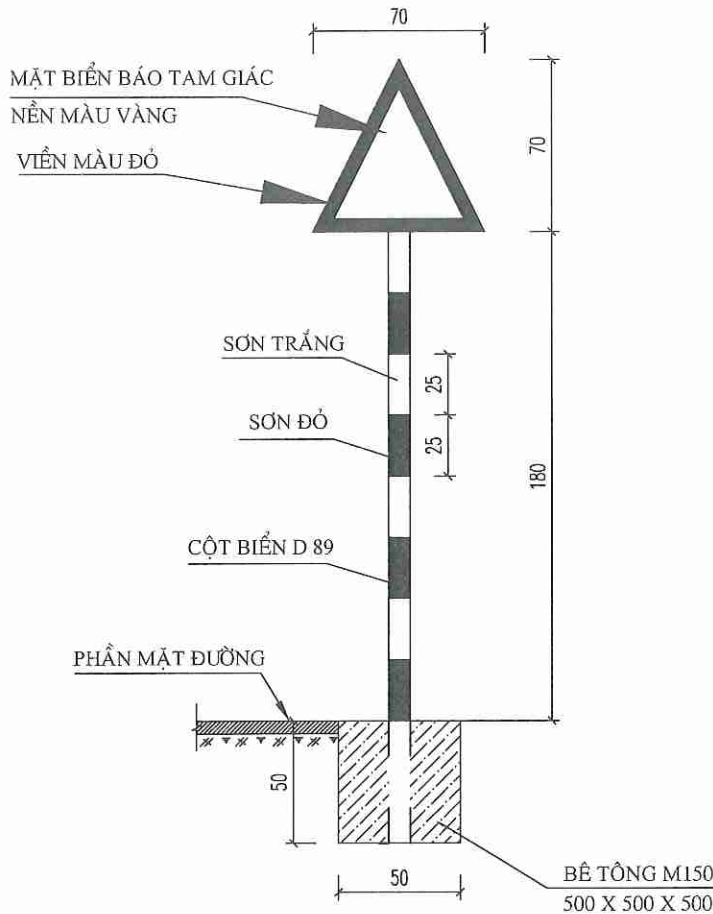
TỶ LỆ:
1/50

HOÀN THÀNH
NĂM 2025

BẢN VẼ SỐ:
TA2025-ĐCN: 08

HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ - KỸ THUẬT

BIỂN BÁO: GIAO NHAU VỚI ĐƯỜNG CÙNG CẤP
(01 CÁI - SỐ HIỆU BIỂN BÁO: W208)



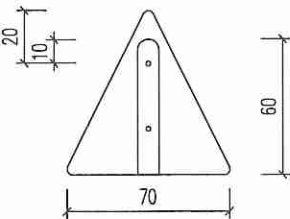
KHỐI LƯỢNG VẬT LIỆU

TT	Hạng mục	ĐƠN VỊ	BIỂN TAM GIÁC
1	BÊ TÔNG MẮC 150 ĐÁ 1X2	M3	0,122X2
2	CỘT BIỂN W205; L=2.9M	CÁI	1X2
3	BIỂN BÁO	CÁI	1X2

GHI CHÚ:

- Bố trí biển báo giao với ĐƯỜNG ?U TI?N.
- Kích thước trong bản vẽ dùng đơn vị mm.
- Vật liệu, kích thước, kích cỡ và màu sắc, vị trí đặt theo "QCVN 41: 2019/BGTVT".

CHI TIẾT LIÊN KẾT



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HÙNG - AN THÀNH

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../BC-KQTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

ĐỊA CHỈ:

XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

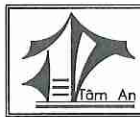
CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG
THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN
NHÀ ÔNG MINH)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG SƠN NAM, TỈNH HUNG YÊN
ĐT: 0988 067 686 - EMAIL: TVXD.TAMAN@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG
TÂM AN

NGUYỄN ĐỨC TÂM

CHỦ TRƯỞNG

KS. NGUYỄN VĂN HUY

THIẾT KẾ

KS. ĐÌNH TRUNG KIẾN

KIỂM TRA

KS. LÊ GIA TĂNG

UBND XÃ NGUYỄN TRÃI
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người thẩm định ký tên:

HẠNG MỤC:

NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN
GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT AN TOÀN
GIAO THÔNG

TỶ LỆ:

1/50

HOÀN THÀNH

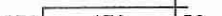
NĂM 2025

BẢN VẼ SỐ:

TA2025-ĐCN: 09

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

Technical drawing of a brickwork cross-section and elevation. The cross-section shows a wall with a total height of 88mm, composed of 48mm of brickwork and 15mm of plaster. The elevation shows a wall with a total length of 1000mm, composed of 100mm of brickwork and 100mm of plaster. The wall is made of bricks with dimensions 1,0x0,25x0,3m. The wall is labeled "Trát VXM mức 75" and "Xây gạch không nung VXM mức 75".

TÊN CK	SỐ T.T	HÌNH DẠNG-KÍCH THƯỚC	Ø mm	1 THANH mm	SỐ LƯỢNG		CHIỀU DÀI m	T. LƯỢNG kg
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
GIĂNG 9.50M GIĂNG 10M SL:01 SL:40	1		10	9950	4	96	955.20	589.36
	2		6	780	51	1224	954.72	211.95
	1		10	7060	4	4	28.24	17.42
	2		6	780	37	37	28.86	6.41
	1		10	1060	4	4	4.24	2.62
	2		6	780	6	6	4.68	1.04
- Trọng lượng thép bản dầy 1 đơn nguyên 10m đường kính <=10 = 828.8 kg								

Technical drawing of a vertical structure (likely a culvert or drainage pipe) showing dimensions and materials.

Dimensions (cm):

- Top section: 25 (width), 30 (height)
- Second section: 22 (height)
- Third section: 61 (height)
- Fourth section: 21 (height)
- Fifth section: 21 (height)
- Sixth section: 10, 20 (height)
- Seventh section: 10, 20 (height)
- Bottom section: 10, 20 (height)
- Overall height: 123 (cm)
- Overall width: 25 (cm)

Materials and Components:

- BCTC mức 250, đá 1x2 (Concrete level 250, 1x2 stone)
- ống nhựa thoát nước D48 (48mm diameter plastic drainage pipe)
- Vải địa bịt đầu ống (Geotextile pipe head)

Red Stamp:

THẨM TRA
Thẩm tra viên số:/BC-KQTT
Ngày tháng năm 20...
Ký tên

Text at the bottom:

Bê tông mức 200, đá 2x4 dày 20cm
Cát đệm dày 10cm
Cọc tre L=1.5, n=16 cọc/m₂

Technical drawing of a stepped block. The drawing shows a side view with a total width of 88 and a total height of 210. The block is composed of several steps. The top surface is labeled 'Khe lún giấy dầu tấm nhựa dẹt 2 lớp' (oil-soaked paper cushion, 2-layer flat plastic). The dimensions are: 10, 20, 123, 22, and 30. The drawing is a technical drawing of a stepped block.

Technical drawing of a tapered shaft. The shaft has a total length of 1000 units. At the left end, there are three concentric circles with diameters of 30, 25, and 15 units. The shaft tapers from these diameters to a smaller size at the right end. Section lines A-A and B-B are indicated. Section A-A is at the right end, and section B-B is at the left end. The drawing is labeled "MẶT CẮT B-B" and "MẶT CẮT A-A".

[illegible]

Technical drawing of a stepped block. The overall dimensions are 122 (height) by 70 (width). The block is composed of several steps. The top surface is 25 units wide. The right side is 92 units high. The bottom right corner is 10 units high and 20 units wide. A cross-section is shown on the right side, labeled "khe lún gối đầu tấm nhô ra đường 2 lớp", indicating a two-layer protrusion at the end of the block.

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số/
Ngày.....tháng.....năm.....
Người thẩm định ký tên:

.....	1	
.....	2	
.....	3	

CHỦ ĐẦU TƯ:

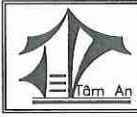
**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÁI**

ĐỊA CHỈ:
XÃ NGUYỄN TRÁI, TỈNH HUNG YÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG
THÔN XÃ CẨM NHÌN (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN
NHÀ ÔNG MINH)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ NGUYỄN TRÁI, TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN**

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG SƠN HÀM, TỈNH HUNG YÊN
ĐT: 0939 097 866 - EMAIL: TVSDTAMAN@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

Nm

NGUYỄN ĐỨC TÂM

CHỦ TRÌ

Huy

KS. NGUYỄN VĂN HUY

THIẾT KẾ

Kien

KS. ĐÌNH TRUNG KIẾN

KIỂM TRA

Lgtang

KS. LÊ GIA TĂNG

HẠNG MỤC:

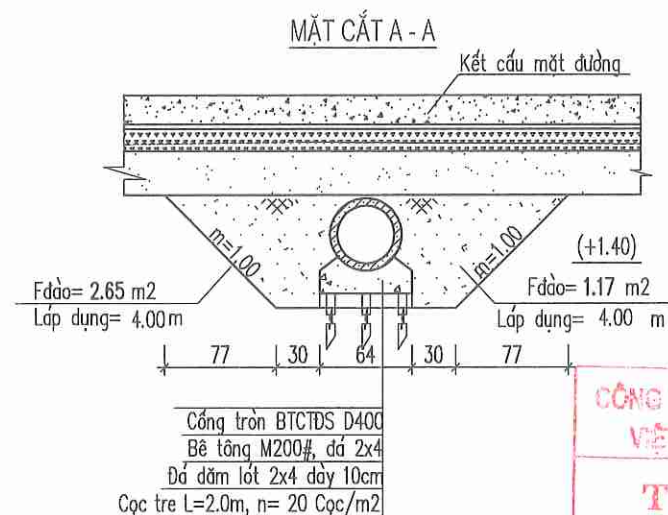
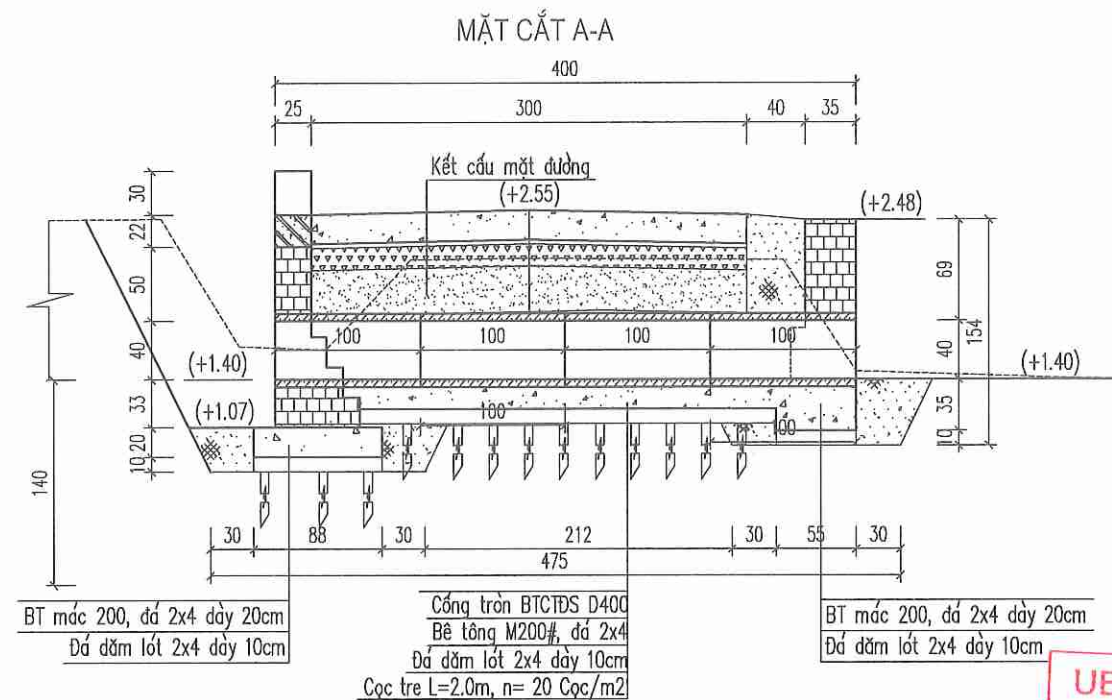
**NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN
GIAO THÔNG**

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT TƯỜNG CHẮN ĐẤT

TÝ LỆ: 1/50	BẢN VẼ SỐ: TA2025- ĐCN: 10
HOÀN THÀNH NĂM 2025	

HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ - KỸ THUẬT



**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HÙNG - AN THÀNH**

THẨM TRA

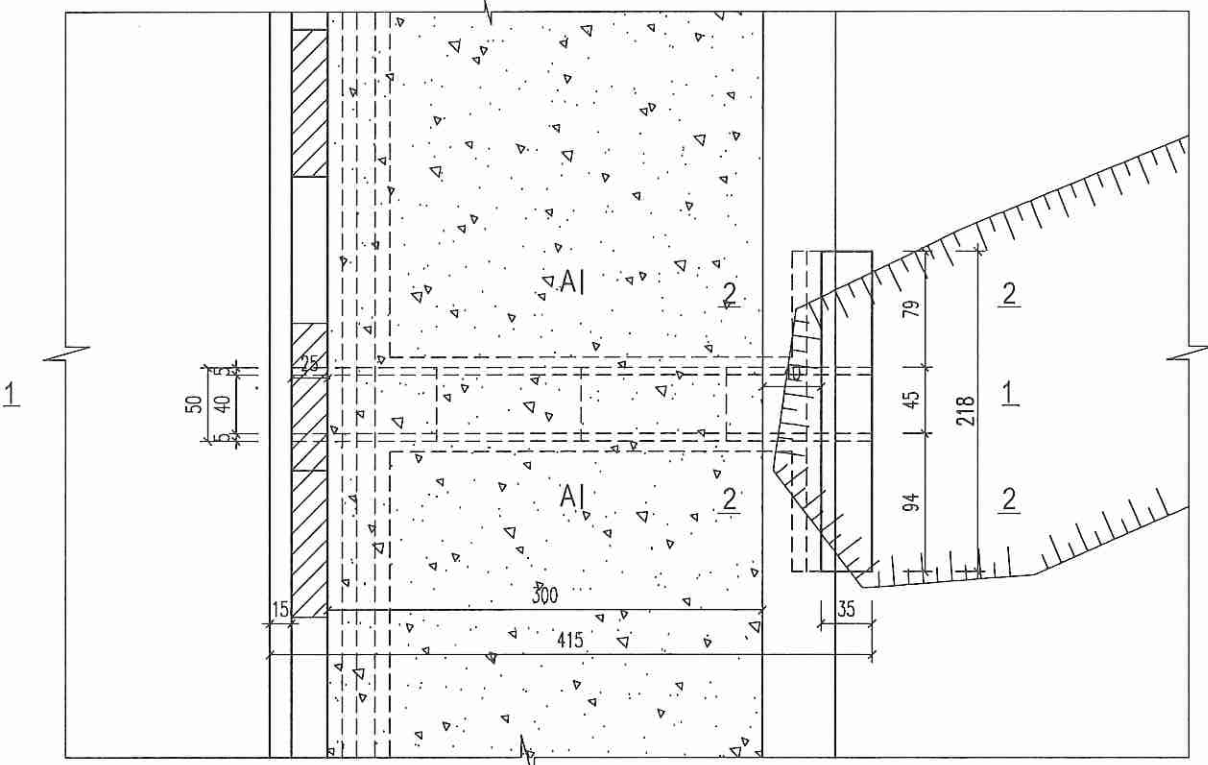
Theo văn bản số:...../BC-KQTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

**UBND XÃ NGUYỄN TRÃI
PHÒNG KINH TẾ**

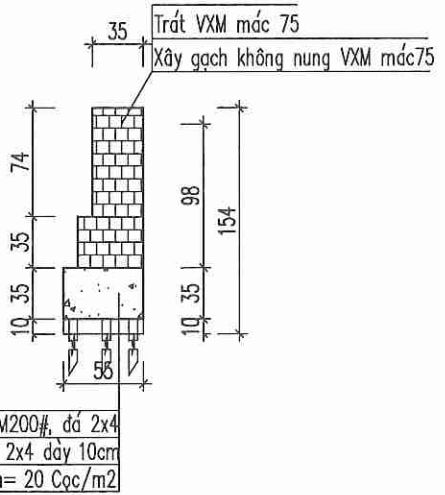
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../
Ngày.....tháng.....năm.....
Người thẩm định ký tên:

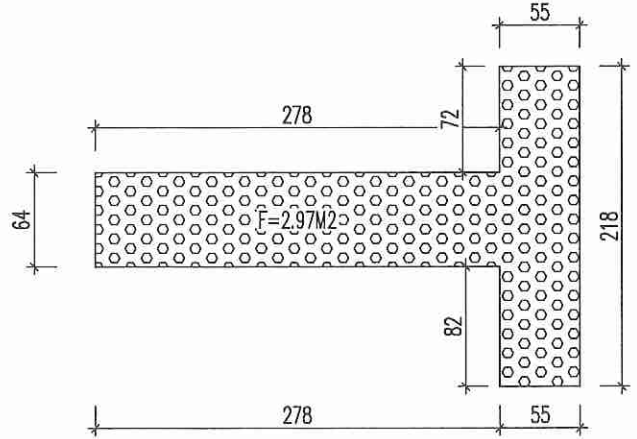
MẶT BẰNG CHI TIẾT CỐNG TẠI KM0+5.65



MẶT CẮT 4 - 4



MẶT BẰNG MÓNG CỐNG



1	
2	
3	

CHỦ ĐẦU TƯ:

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI**

ĐỊA CHỈ:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG
THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN
NHÀ ÔNG MINH)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN**

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG SƠN NAM, TỈNH HUNG YÊN
ĐT: 0989 067 666 - EMAIL: TVXD.TAMANH@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN ĐỨC TÂM

CHỦ TRƯỞNG:
K.S. NGUYỄN VĂN HUY

THIẾT KẾ:
K.S. ĐINH TRUNG KIẾN

KIỂM TRA:
K.S. LÊ GIA TĂNG

HẠNG MỤC:
NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN
GIAO THÔNG

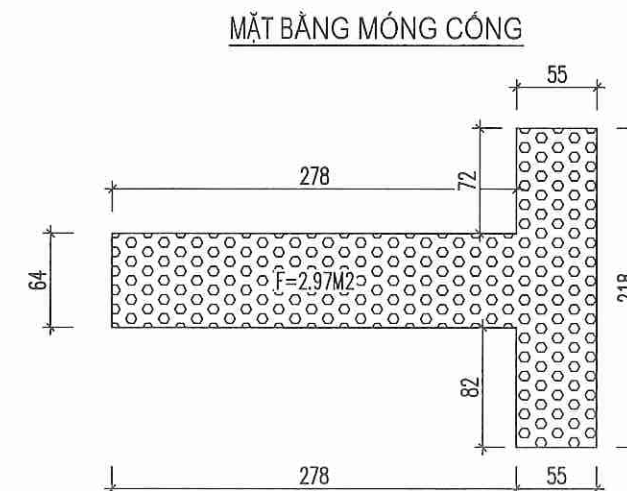
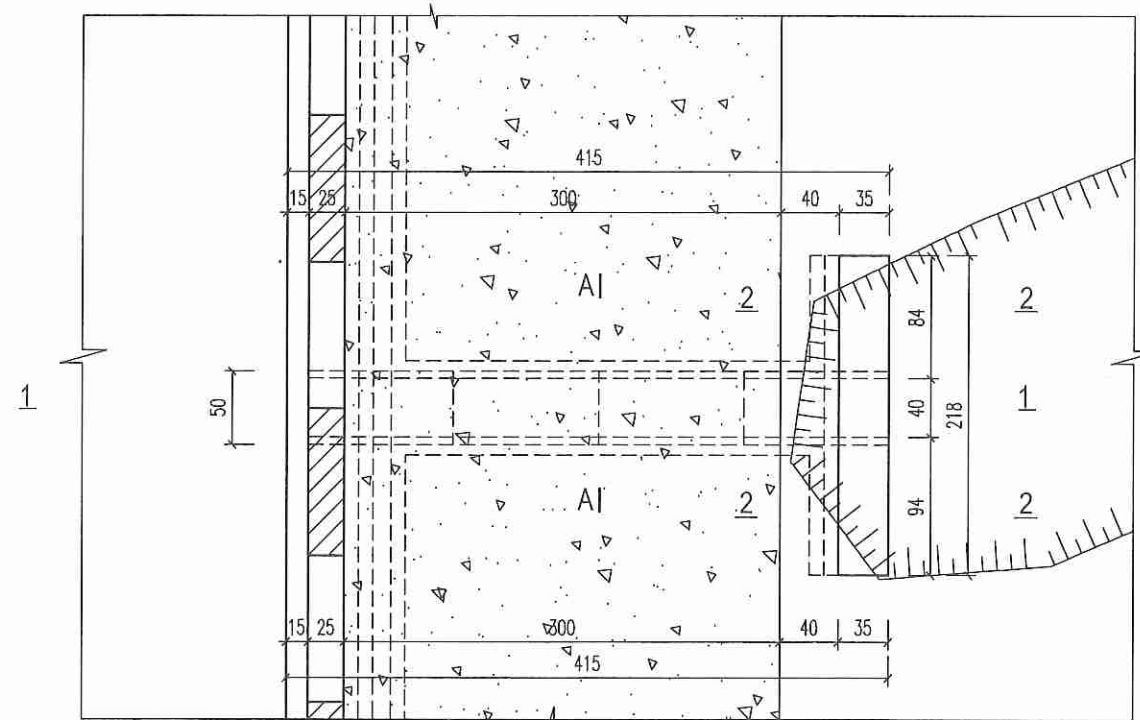
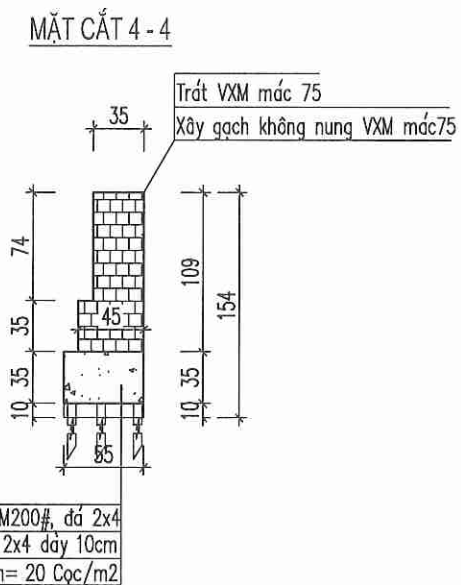
TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT CỐNG QUA ĐƯỜNG
TẠI KM0+5.65

TỶ LỆ:
1/50

HOÀN THÀNH:
NĂM 2025

BẢN VẼ SỐ:
TA2025- ĐCN: 11

HỒ SƠ BẢO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT



$ad_{\infty}f_{\infty}$	1	
$ad_{\infty}f_{\infty}$	2	
$ad_{\infty}f_{\infty}$	3	

CHỦ ĐẦU TƯ:

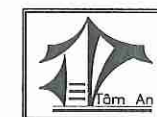
95 ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

ĐỊA CHỈ: XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG
THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN
NHÀ ÔNG MINH)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN**

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG SƠN NAM, TỈNH HUNG YÊN
ĐT: 0988 067 866 - EMAIL: TVXDAMAN@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH
TƯ VẤN KIẾN TRÚC
XÂY DỰNG
TÂM AN
NGUYỄN ĐỨC TÂM

CHỦ TRÌ

KS. NGUYỄN VĂN HUY

THIẾT KẾ

KS. ĐINH TRUNG KIÊN

KIỂM TRA

KS. LÊ GIA TĂNG

HÀNG MỤC:

NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN
GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT CỐNG QUA ĐƯỜNG
TẠI KM0+137.64

TỶ LỆ:

 $\frac{1}{5}$

HOÀN THÀNH

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II : 0.75 m2
Đắp cát K95 : 0.90 m2
Đào khuôn : 1.02 m2
Cát tôn nền K95 : 0.00 m2

Cọc DT
Km 0 + 0.00

Đào tường : 0.00 m2
Đắp hoàn trả móng tường : 0.00 m2
Vết hữu cơ : 0.33 m2
Vết bùn : 0.00 m2
Đắp lề : 0.00 m2

B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II : 0.75 m2
Đắp cát K95 : 0.88 m2
Đào khuôn : 1.21 m2
Cát tôn nền K95 : 1.13 m2

Cọc 2
Km 0 + 20.00

Đào tường : 3.03 m2
Đắp hoàn trả móng tường : 0.46 m2
Vết hữu cơ : 0.57 m2
Vết bùn : 0.27 m2
Đắp lề : 0.00 m2

UBND XÃ NGUYỄN TRÃI
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số/.....
Ngày.....tháng.....năm.....
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HÙNG - AN THÀNH

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../BC-KQT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

MSS -4

Cao độ thiết kế	2.52 2.55 2.52									
Khoảng cách lề thiết kế	1.50 1.50									
Cao độ tự nhiên	0.88 0.92	2.40	2.35	2.35	2.35	2.34	2.30			
Khoảng cách mìa	0.80	3.15	2.11	0.80	2.94	4.60	5.00	0.40		

MSS -4

Cao độ thiết kế	2.52 2.54 2.52									
Khoảng cách lề thiết kế	1.50 1.50									
Cao độ tự nhiên	2.46 2.48	2.35	2.34	2.32	1.70	2.41	2.39	2.33	1.82	1.82
Khoảng cách mìa	0.40	0.80	2.74	0.52	0.55	0.33	1.52	1.12	0.48	0.40

B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II : 0.75 m2
Đắp cát K95 : 0.88 m2
Đào khuôn : 0.72 m2
Cát tôn nền K95 : 1.13 m2

Cọc 1
Km 0 + 5.43

Đào tường : 2.24 m2
Đắp hoàn trả móng tường : 0.49 m2
Vết hữu cơ : 0.48 m2
Vết bùn : 0.30 m2
Đắp lề : 0.00 m2

B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II : 0.75 m2
Đắp cát K95 : 0.88 m2
Đào khuôn : 1.06 m2
Cát tôn nền K95 : 0.00 m2

Cọc 3
Km 0 + 40.00

Đào tường : 0.88 m2
Đắp hoàn trả móng tường : 0.29 m2
Vết hữu cơ : 0.54 m2
Vết bùn : 0.63 m2
Đắp lề : 1.60 m2

MSS -4

Cao độ thiết kế	2.52 2.55 2.52									
Khoảng cách lề thiết kế	1.50 1.50									
Cao độ tự nhiên	2.54	2.50	2.48	2.49	1.62	1.60	2.21	2.22	2.21	1.40
Khoảng cách mìa	3.43	0.95	0.69	1.88	0.54	0.60	0.82	0.40	1.35	0.30

MSS -4

Cao độ thiết kế	1.20 2.49 2.51 2.54 2.51									
Khoảng cách lề thiết kế	1.94 0.50 1.50 1.50									
Cao độ tự nhiên	2.20	2.16	1.35	1.15	1.12	1.20	1.45	2.23	2.34	2.25
Khoảng cách mìa	1.47	1.03	1.20	0.78	0.69	1.20	1.25	0.79	1.46	0.56

1	
2	
3	

CHỦ ĐẦU TƯ:

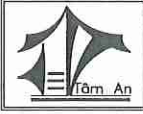
ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

ĐỊA CHỈ:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG
THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN
NHÀ ÔNG MINH)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG SƠN NAM, TỈNH HUNG YÊN
ĐT: 0998 067 866 - EMAIL: TVXD.TAMAN@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐỨC TÂM

CHỦ TRÌ



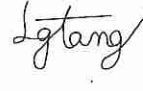
KS. NGUYỄN VĂN HUY

THIẾT KẾ



KS. ĐINH TRUNG KIẾN

KIỂM TRA



KS. LÊ GIA TĂNG

HẠNG MỤC:

NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN
GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ: 1/200

HOÀN THÀNH

NĂM 2025

BẢN VẼ SỐ:

TA2025- ĐCN: 13

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II : 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.88 m²
Đào khuôn : 1.01 m²
Cát tôn nền K95 : 0.27 m²

Đào tường : 0.88 m²
Đắp hoàn trả móng tường : 0.29 m²
Vết hữu cơ : 0.55 m²
Vết bùn : 0.65 m²
Đắp lề : 1.59 m²

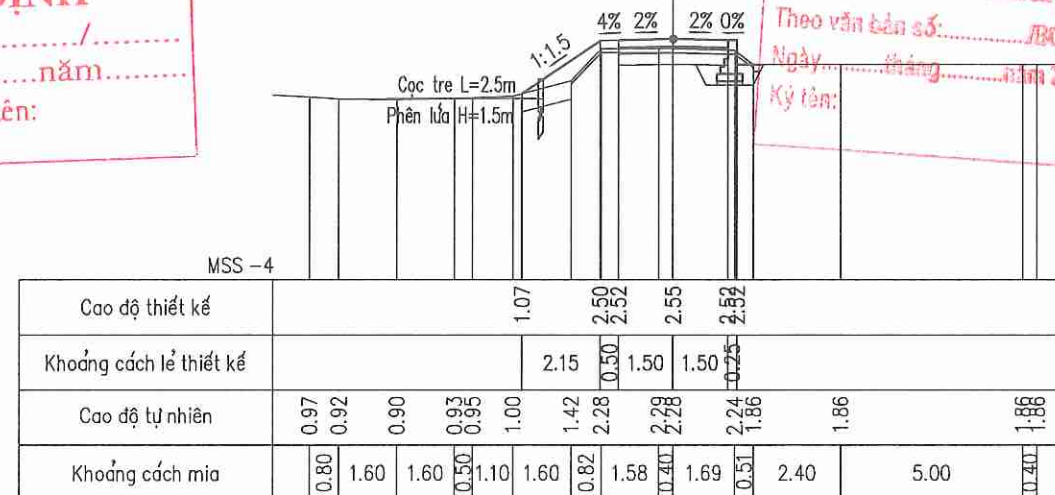
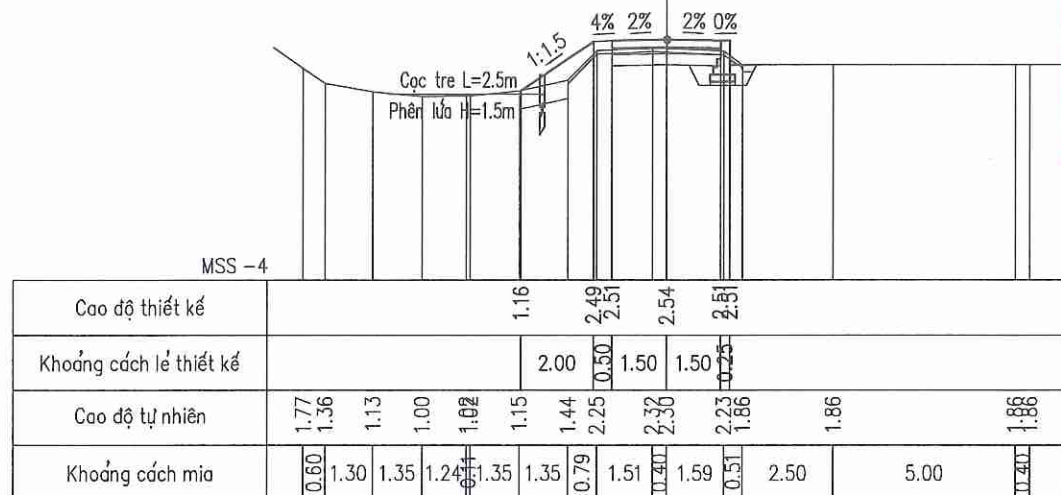
B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II : 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.88 m²
Đào khuôn : 0.96 m²
Cát tôn nền K95 : 0.27 m²

R = 200.00
it = -2.00%
ip = -2.00%
w = 0.00

Đào tường : 0.93 m²
Đắp hoàn trả móng tường : 0.28 m²
Vết hữu cơ : 0.55 m²
Vết bùn : 0.68 m²
Đắp lề : 1.60 m²

UBND XÃ NGUYỄN TRÃI
PHÒNG KINH TẾ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số/.....
Ngày.....tháng.....năm.....
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HÙNG - AN THÀNH
THẨM TRA
Theo văn bản số...../BC-KQTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



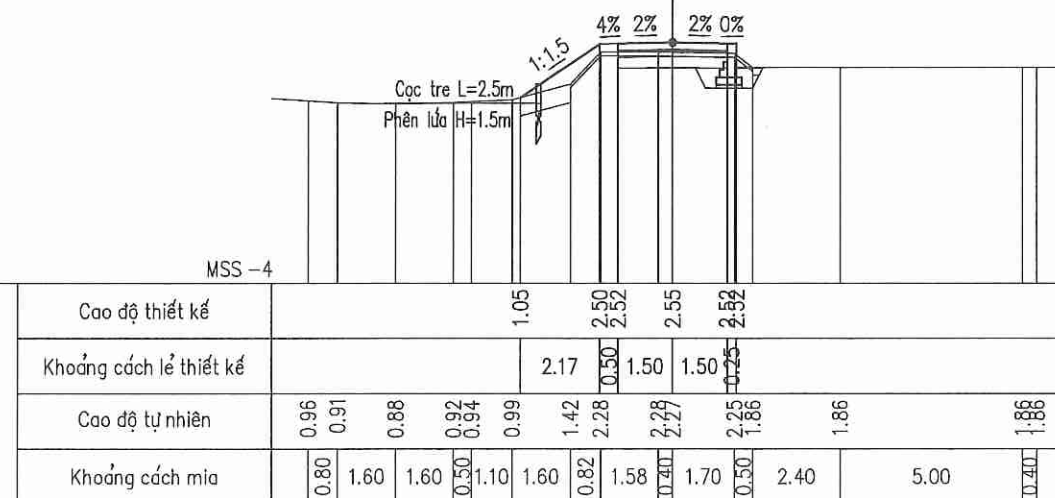
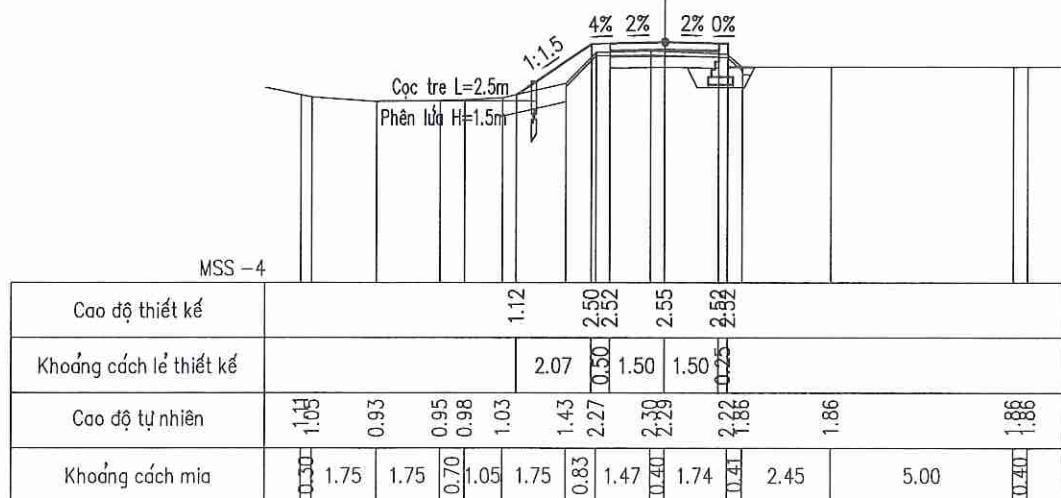
B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II : 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.88 m²
Đào khuôn : 0.97 m²
Cát tôn nền K95 : 0.27 m²

Đào tường : 0.92 m²
Đắp hoàn trả móng tường : 0.29 m²
Vết hữu cơ : 0.54 m²
Vết bùn : 0.88 m²
Đắp lề : 1.87 m²

B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II : 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.88 m²
Đào khuôn : 0.95 m²
Cát tôn nền K95 : 0.27 m²

Đào tường : 0.93 m²
Đắp hoàn trả móng tường : 0.28 m²
Vết hữu cơ : 0.55 m²
Vết bùn : 0.69 m²
Đắp lề : 1.62 m²

R = 200.00
it = -2.00%
ip = -2.00%
w = 0.00



1	
2	
3	

CHỦ ĐẦU TƯ:
**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI**
ĐỊA CHỈ:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN
CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG
THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN
NHÀ ÔNG MINH)
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN**
ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG SƠN NAM, TỈNH HUNG YÊN
ĐT: 0988 067 866 - EMAIL: TVXDTAMAN@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH
TƯ VẤN KIẾN TRÚC
XÂY DỰNG
TÂM AN
NGUYỄN ĐỨC TÂM

CHỦ TRÌ

KS. NGUYỄN VĂN HUY

THIẾT KẾ

KS. ĐINH TRUNG KIẾN

KIỂM TRA

KS. LÊ GIA TĂNG

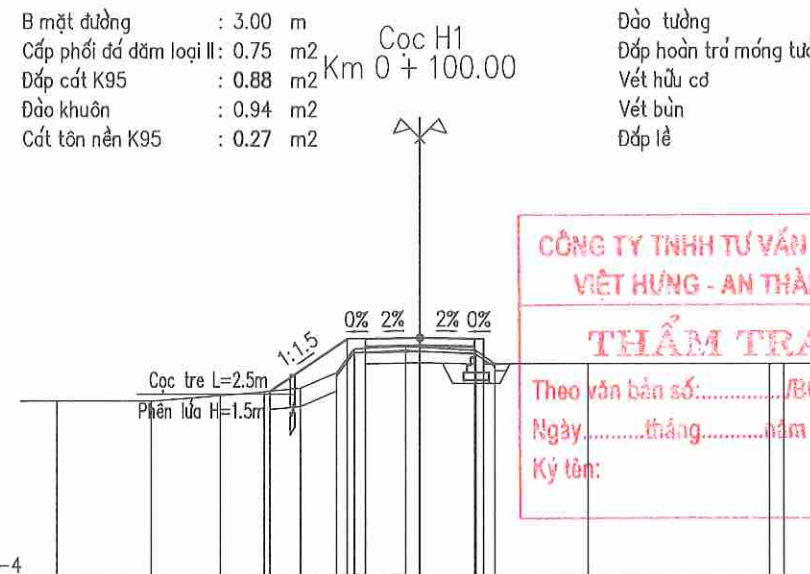
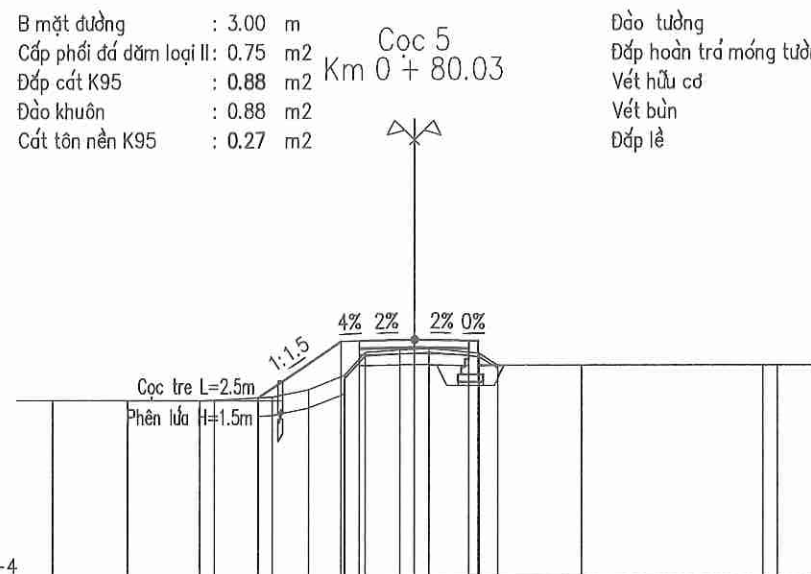
HẠNG MỤC:
**NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN
GIAO THÔNG**
TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TỶ LỆ:
1/200
BẢN VẼ SỐ:
TA2025-ĐCN: 14
HOÀN THÀNH
NĂM 2025
HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ - KỸ THUẬT

B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II : 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.88 m²
Đào khuôn : 0.88 m²
Cát tôn nền K95 : 0.27 m²

Đào tường : 0.94 m²
Đắp hoàn trả móng tường : 0.28 m²
Vết hữu cơ : 0.45 m²
Vết bùn : 1.20 m²
Đắp lề : 2.88 m²

B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II : 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.88 m²
Đào khuôn : 0.94 m²
Cát tôn nền K95 : 0.27 m²

Đào tường : 0.82 m²
Đắp hoàn trả móng tường : 0.27 m²
Vết hữu cơ : 0.51 m²
Vết bùn : 0.92 m²
Đắp lề : 2.13 m²



UBND XÃ NGUYỄN TRÃI
PHÒNG KINH TẾ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số/.....
Ngày.....tháng.....năm.....
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HÙNG - AN THÀNH
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../BC-KQTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

MSS -4

Cao độ thiết kế				0.98	2.51	2.53	2.56	2.53										
Khoảng cách lề thiết kế				2.29	0.50	1.50	1.50	0.50										
Cao độ tự nhiên	0.90	0.90	0.92	1.00	1.20	1.59	2.21	2.27	2.33	2.19	1.86						1.88	
Khoảng cách mìa	2.10	2.00	0.40	1.60	1.00	1.00	0.94	0.40	1.39	0.51	2.30	5.00					0.40	

MSS -4

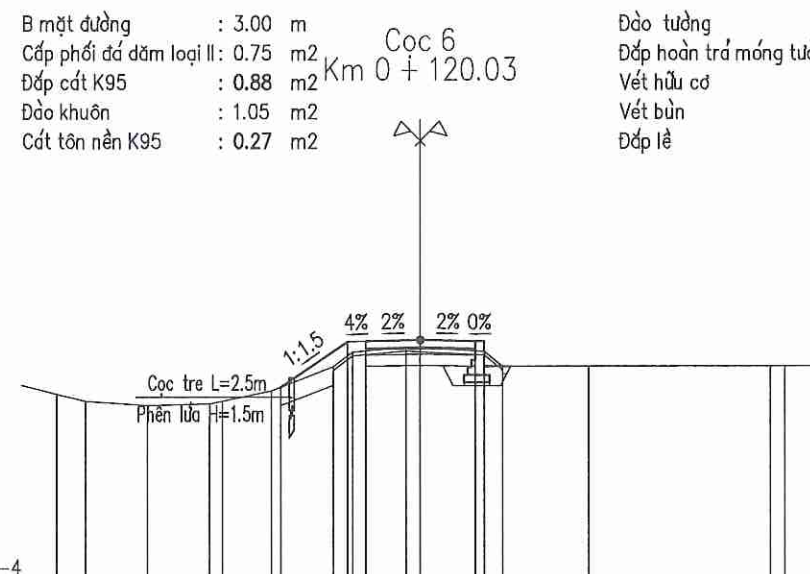
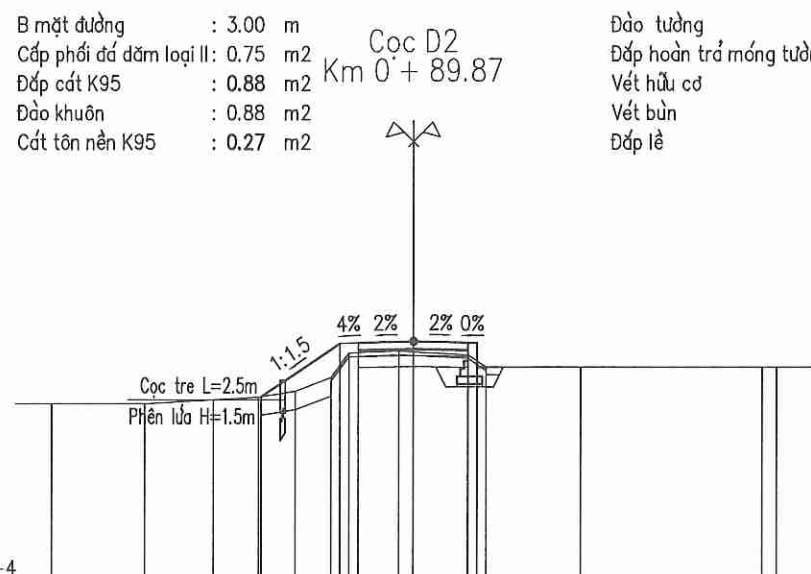
Cao độ thiết kế				1.12	2.54	2.54	2.57	2.54										
Khoảng cách lề thiết kế				2.13	0.50	1.50	1.50	0.50										
Cao độ tự nhiên	0.85	0.85	1.00	1.10	1.20	1.62	2.26	2.33	2.33	2.22	1.86						1.88	
Khoảng cách mìa	2.60	1.91	1.19	1.00	1.00	0.49	1.41	0.40	1.54	0.51	2.55	5.00					0.40	

B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II : 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.88 m²
Đào khuôn : 0.88 m²
Cát tôn nền K95 : 0.27 m²

Đào tường : 0.81 m²
Đắp hoàn trả móng tường : 0.28 m²
Vết hữu cơ : 0.51 m²
Vết bùn : 0.96 m²
Đắp lề : 2.22 m²

B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II : 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.88 m²
Đào khuôn : 1.05 m²
Cát tôn nền K95 : 0.27 m²

Đào tường : 0.95 m²
Đắp hoàn trả móng tường : 0.27 m²
Vết hữu cơ : 0.50 m²
Vết bùn : 0.72 m²
Đắp lề : 1.41 m²



MSS -4

Cao độ thiết kế				1.06	2.51	2.53	2.56	2.53										
Khoảng cách lề thiết kế				2.18	0.50	1.50	1.50	0.50										
Cao độ tự nhiên	0.87	0.87	0.98	1.05	1.21	1.58	2.23	2.30	2.36	2.20	1.86						1.88	
Khoảng cách mìa	2.60	1.90	1.25	1.00	1.00	0.50	1.35	0.48	1.52	0.48	2.60	5.00					0.40	

MSS -4

Cao độ thiết kế				1.30	2.53	2.55	2.58	2.55										
Khoảng cách lề thiết kế				1.84	0.50	1.50	1.50	0.50										
Cao độ tự nhiên	1.12	0.92	0.80	0.82	1.20	1.85	2.25	2.38	2.38	2.27	1.86						1.88	
Khoảng cách mìa	0.80	1.70	1.70	0.36	1.34	1.70	0.54	1.46	0.40	1.76	0.49	2.35	5.00				0.40	

1	
2	
3	

CHỦ ĐẦU TƯ:
**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI**
ĐỊA CHỈ:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN
CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG
THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN
NHÀ ÔNG MINH)
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN**
ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG SƠN NAM, TỈNH HUNG YÊN
ĐT: 0988 067 886 - EMAIL: TVXD.TAMAN@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH
TƯ VẤN KIẾN TRÚC
XÂY DỰNG
TÂM AN
NGUYỄN ĐỨC TÂM

CHỦ TRÌ

KS. NGUYỄN VĂN HUY

THIẾT KẾ

KS. ĐINH TRUNG KIẾN

KIỂM TRA

KS. LÊ GIA TĂNG

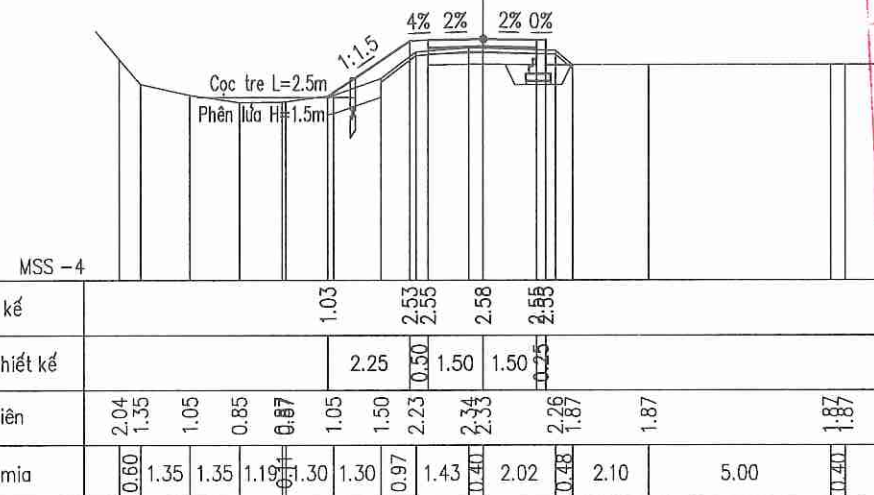
HẠNG MỤC:
**NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN
GIAO THÔNG**
TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TỶ LỆ: 1/200
BẢN VẼ SỐ: TA2025-ĐCN: 15
HOÀN THÀNH
NĂM 2025
HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ - KỸ THUẬT

2 Km 0 + 127.76

Đào tường	: 1.06	m2
Đắp hoàn trả móng tường	: 0.27	m2
Vết hữu cơ	: 0.53	m2
Vết bùn	: 0.73	m2
Đắp lè	: 1.77	m2

Coc 7
Km 0 + 139.99

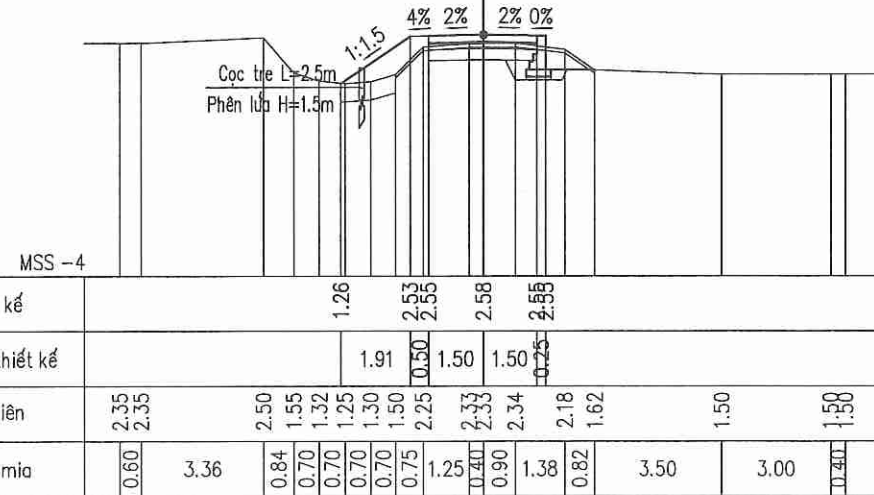
Đào tường	: 2.08	m2
Đắp hoàn trả móng tường	: 0.41	m2
Vết hữu cơ	: 0.53	m2
Vết bùn	: 0.82	m2
Đắp lề	: 0.00	m2



R = 120.00
it = -2.00%
ip = -2.00%
w = 0.00

2 Km Cọc P2 0 + 137.64

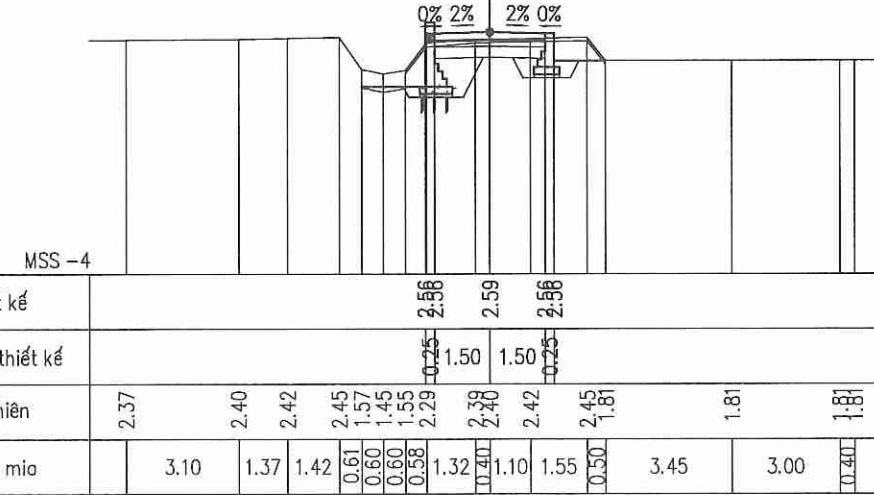
Đào tường	: 1.16	m2
Đắp hoàn trả móng tường	: 0.11	m2
Vết hữu cơ	: 0.55	m2
Vết bùn	: 0.75	m2
Đắp lề	: 1.99	m2



Theo văn bản số:..... Ngày.....tháng..... Ký tên:.....											
-4											
2.55 2.58 2.55											
0.25 1.50 1.50											
2.37 2.37 2.49 2.51 1.60 0.85 1.40 0.85 1.55 2.27 2.35 2.36 2.37 2.20 2.15 2.15											
1.60 2.84 0.61 0.85 0.85 0.80 0.85 1.20 0.40 1.20 1.60 3.80 3.00 0.40											

Cọc TC2
Km 0 + 147.52

Đào tường	: 3.53	m2
Đắp hoàn trả móng tường	: 0.45	m2
Vết hữu cơ	: 0.55	m2
Vết bùn	: 0.60	m2
Đắp lè	: 0.00	m2



<i>admodum</i>	1	
<i>admodum</i>	2	
<i>admodum</i>	3	

<u>CHỦ ĐẦU TƯ:</u>
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGUYỄN TRÃI
<u>ĐỊA CHỈ:</u> XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN
<u>CÔNG TRÌNH:</u> CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN NHÀ ÔNG MINH)
<u>ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:</u> XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

GIÁM ĐỐC
TƯ VẤN KIỂM TRÚC
XÂY DỰNG
TÂM AN
NGUYỄN ĐỨC TÂM

CHỦ TRÌ



KS. NGUYỄN VĂN HUY

THIẾT KẾ

Kien

KS. ĐINH TRUNG KIẾN

KIỂM TRA

Lgtang

KS. LÊ GIA TĂNG

HẠNG MỤC:	
NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN GIAO THÔNG	
TÊN BẢN VẼ:	
TRẮC NGANG THIẾT KẾ	
TÝ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:
1/200	TA2025- ĐCN: 16
HOÀN THÀNH	NĂM 2025
HỒ SƠ BẢO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT	

B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II : 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.88 m²
Đào khuôn : 1.07 m²
Cát tôn nền K95 : 1.13 m²

Cọc D4
Km 0 + 157.18

Đào tường : 3.11 m²
Đắp hoàn trả móng tường : 0.37 m²
Vết hữu cơ : 0.50 m²
Vết bùn : 0.48 m²
Đắp lề : 0.00 m²

B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II : 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.88 m²
Đào khuôn : 1.13 m²
Cát tôn nền K95 : 1.13 m²

Cọc 9
Km 0 + 179.95

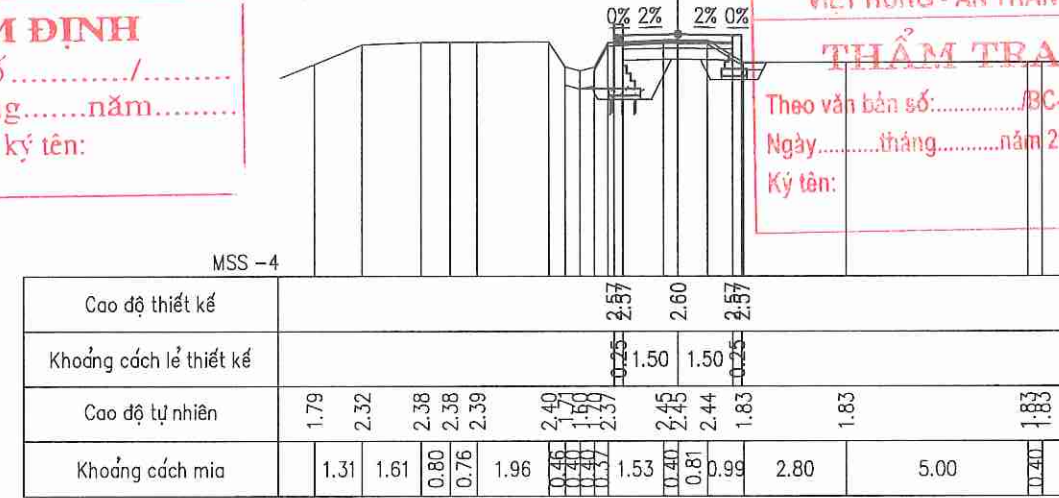
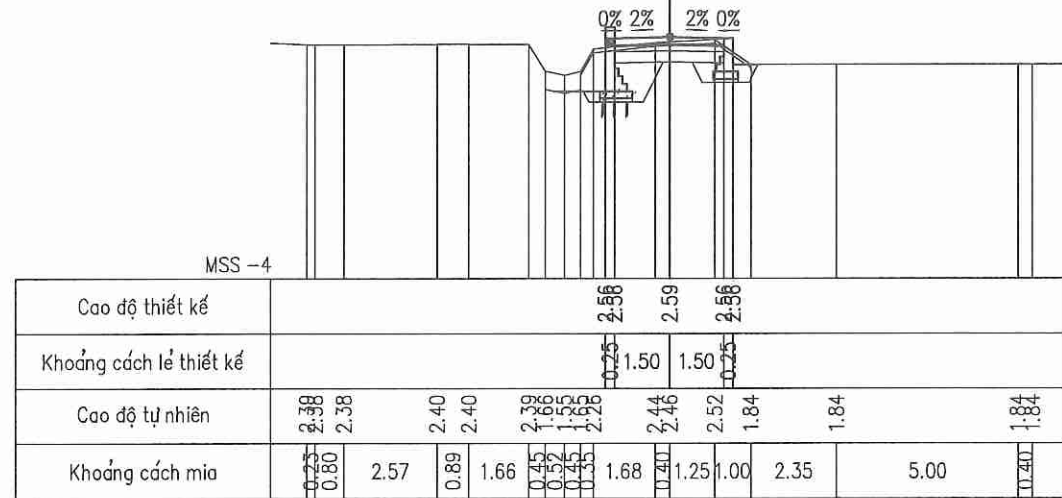
Đào tường : 2.85 m²
Đắp hoàn trả móng tường : 0.34 m²
Vết hữu cơ : 0.53 m²
Vết bùn : 0.40 m²
Đắp lề : 0.00 m²

UBND XÃ NGUYỄN TRÃI
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số/
Ngày.....tháng.....năm.....
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HƯNG - AN THÀNH

THẨM TRA
Theo văn bản số:.....BC-KQT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II : 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.88 m²
Đào khuôn : 1.30 m²
Cát tôn nền K95 : 1.13 m²

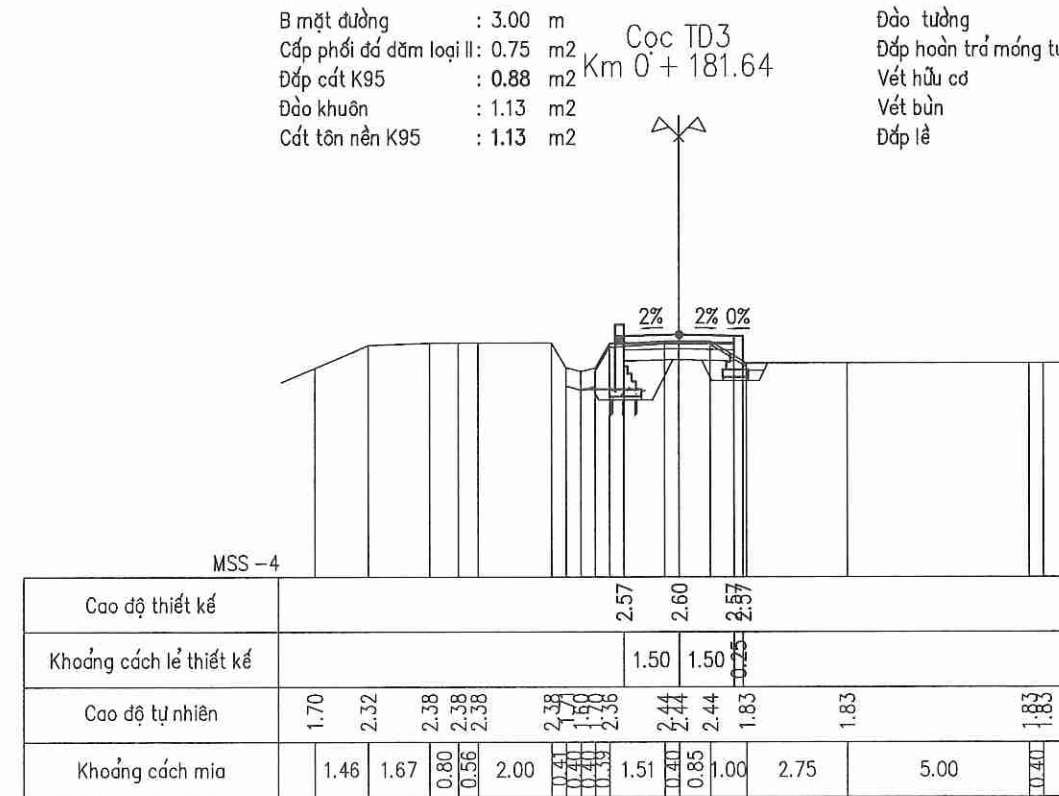
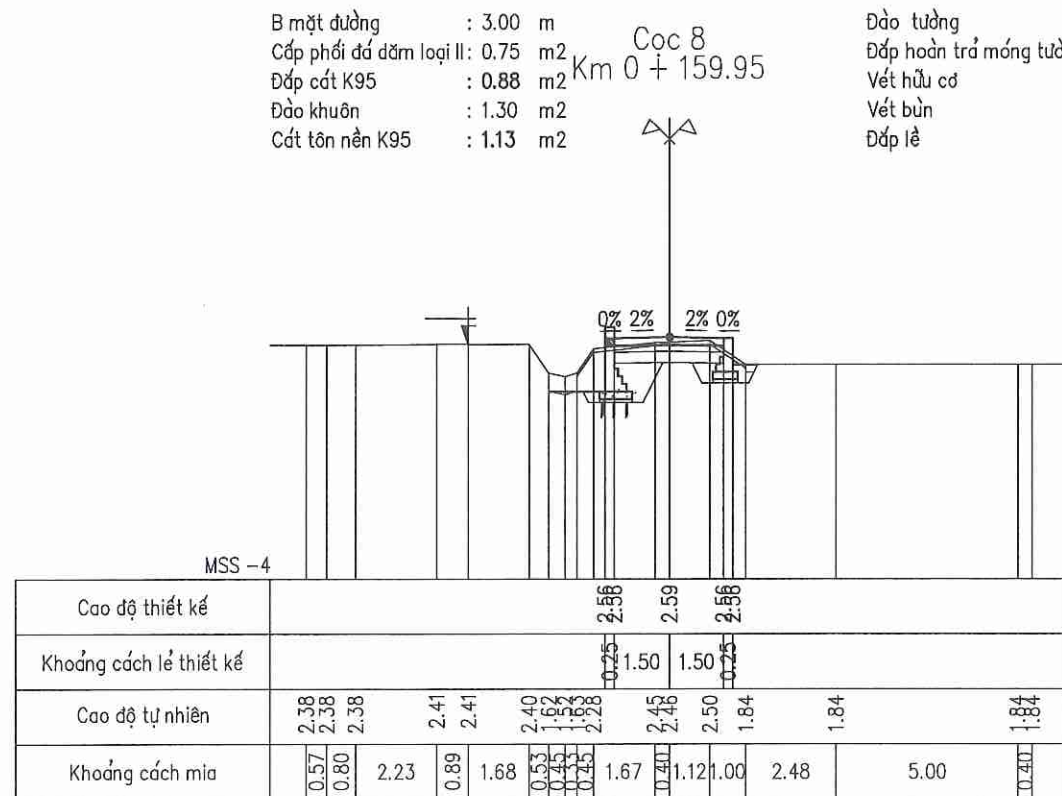
Cọc 8
Km 0 + 159.95

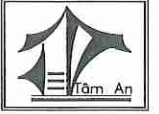
Đào tường : 3.13 m²
Đắp hoàn trả móng tường : 0.38 m²
Vết hữu cơ : 0.52 m²
Vết bùn : 0.39 m²
Đắp lề : 0.00 m²

B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II : 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.88 m²
Đào khuôn : 1.13 m²
Cát tôn nền K95 : 1.13 m²

Cọc TD3
Km 0 + 181.64

Đào tường : 2.85 m²
Đắp hoàn trả móng tường : 0.34 m²
Vết hữu cơ : 0.52 m²
Vết bùn : 0.40 m²
Đắp lề : 0.00 m²



1	
2	
3	
CHỦ ĐẦU TƯ:	
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGUYỄN TRÃI	
ĐỊA CHỈ: XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN	
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN NHÀ ÔNG MINH)	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:	
 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG SƠN NAM, TỈNH HUNG YÊN ĐT: 0988 067 866 - EMAIL: TVXD.TAMAN@GMAIL.COM	
 KIỂM TRA: NGUYỄN ĐỨC TÂM CHỦ TRƯỞNG: NGUYỄN VĂN HUY	
THIẾT KẾ: Kien KS. DINH TRUNG KIẾN	
KIỂM TRA: Lgtang KS. LÊ GIA TĂNG	
HẠNG MỤC: NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN GIAO THÔNG	
TÊN BẢN VẼ: TRẠC NGANG THIẾT KẾ	
TỶ LỆ: 1/200	BẢN VẼ SỐ: TA2025- ĐCN: 17
HOÀN THÀNH: NĂM 2025	
HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ - KỸ THUẬT	

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

B mặt đường	: 3.00	m	Cọc D6 Km 0 + 235.20 
Cấp phối đá dăm loại II	: 0.75	m ²	
Đắp cát K95	: 0.88	m ²	
Đào khuôn	: 1.02	m ²	
Cát tôn nền K95	: 1.13	m ²	

Đào tường	: 3.02 m2
Đắp hoàn trả móng tường	: 0.38 m2
Vết hữu cơ	: 0.52 m2
Vết bùn	: 0.55 m2
Đắp lề	: 0.00 m2

B mặt đường	: 3.00	m	Cọc TD4 Km 0+ 256.25 
Cấp phối đá dăm loại II	: 0.75	m ²	
Đắp cát K95	: 0.88	m ²	
Đào khuôn	: 0.89	m ²	
Cát tôn nền K95	: 1.13	m ²	

Đào tường	: 2.91	m2
Đắp hoàn trả móng tường	: 0.37	m2
Vết hữu cơ	: 0.49	m2
Vết bùn	: 0.53	m2
Đắp lề	: 0.00	m2

UBND XÃ NGUYỄN TRÃI
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm.....
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HÙNG - AN THÀNH

THẨM TRA		
Theo văn bản số:.....	/BC-KQT	
Ngày.....tháng.....	năm 20.....	
Ký tên:		

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

DIA CHI:

XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

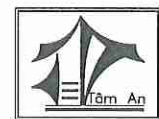
CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG
THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN
NHÀ ÔNG MINH)

ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN**

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG SƠN NAM, TỈNH HƯNG YÊN
ĐT: 0988 067 866 - EMAIL: TVXD TAMAN@GMAIL.COM

GIẤM ĐỐC

NGUYỄN ĐỨC TÂM

CHỦ TRÌ

KS. NGUYỄN VĂN HUY

THIẾT KẾ

KS. ĐINH TRUNG KIẾN

KIỂM TRA

KS. LÊ GIA TĂNG

HANG MỤC:

**NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN
GIAO THÔNG**

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

1/200

BẢN VẼ SƠ:

TA2025- DCN: 19

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II: 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.88 m²
Đào khuôn : 0.68 m²
Cát tôn nền K95 : 1.13 m²

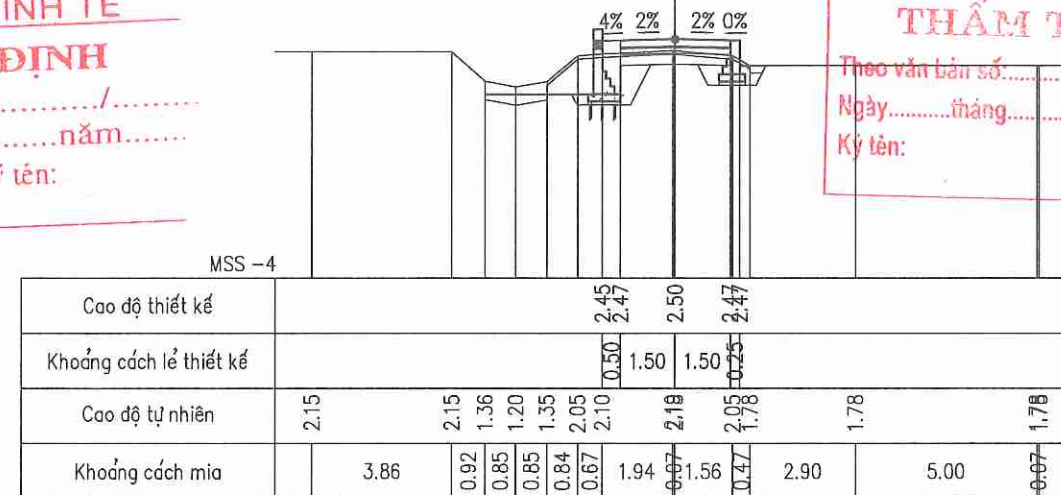
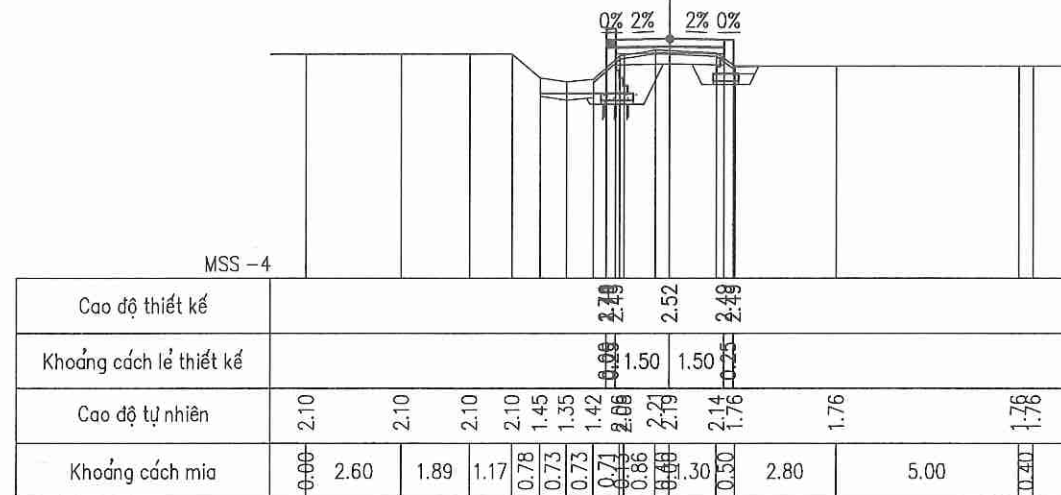
Đào tường : 2.37 m²
Đắp hoàn trả móng tường : 0.53 m²
Vết hữu cơ : 0.51 m²
Vết bùn : 0.73 m²
Đắp lề : 0.00 m²

B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II: 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.88 m²
Đào khuôn : 0.70 m²
Cát tôn nền K95 : 0.87 m²

Đào tường : 3.44 m²
Đắp hoàn trả móng tường : 0.75 m²
Vết hữu cơ : 0.63 m²
Vết bùn : 0.85 m²
Đắp lề : 0.00 m²

UBND XÃ NGUYỄN TR,
PHÒNG KINH TẾ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số/.....
Ngày.....tháng.....năm.....
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HUNG - AN THÀNH
THẨM TRA
Theo văn bản số/BC-KQT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II: 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.88 m²
Đào khuôn : 0.54 m²
Cát tôn nền K95 : 1.13 m²

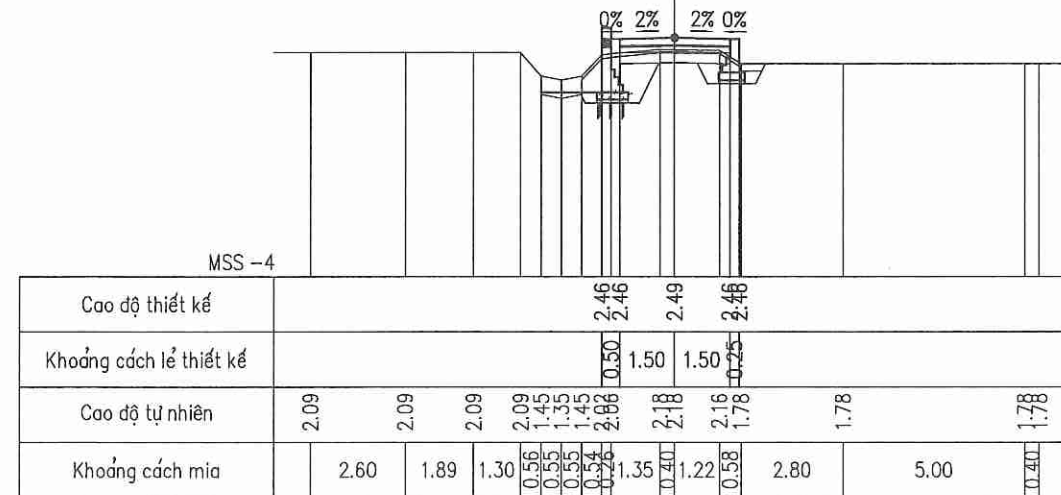
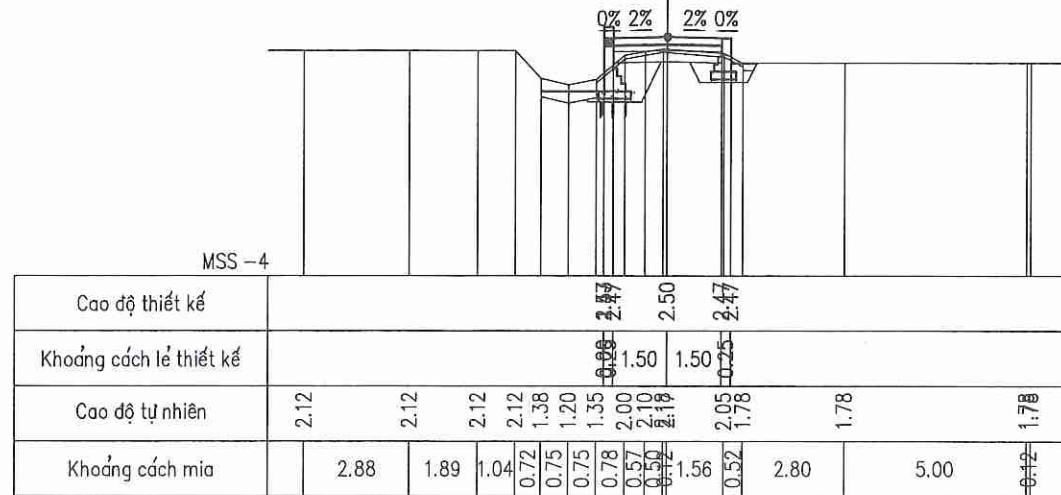
Đào tường : 2.29 m²
Đắp hoàn trả móng tường : 0.67 m²
Vết hữu cơ : 0.47 m²
Vết bùn : 0.75 m²
Đắp lề : 0.00 m²

B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II: 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.88 m²
Đào khuôn : 0.74 m²
Cát tôn nền K95 : 1.05 m²

Đào tường : 2.71 m²
Đắp hoàn trả móng tường : 0.50 m²
Vết hữu cơ : 0.56 m²
Vết bùn : 0.55 m²
Đắp lề : 0.00 m²

UBND XÃ NGUYỄN TR,
PHÒNG KINH TẾ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số/.....
Ngày.....tháng.....năm.....
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HUNG - AN THÀNH
THẨM TRA
Theo văn bản số/BC-KQT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



1	
2	
3	

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRẠI

ĐỊA CHỈ:
XÃ NGUYỄN TRẠI, TỈNH HUNG YÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG
THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN
NHÀ ÔNG MINH)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ NGUYỄN TRẠI, TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN**
ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG SƠN NAM, TỈNH HUNG YÊN
ĐT: 0998 067 866 - EMAIL: TVXD.TAMAN@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐỨC TÂM
CHỦ TRƯỞNG

KS. NGUYỄN VĂN HUY

THIẾT KẾ

KS. ĐINH TRUNG KIẾN

KIỂM TRA

KS. LÊ GIA TĂNG

HẠNG MỤC:
**NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN
GIAO THÔNG**

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:
1/200

BẢN VẼ SỐ:
TA2025- ĐCN: 22

HOÀN THÀNH
NĂM 2025

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ - KỸ THUẬT

B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II: 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.90 m²
Đào khuôn : 1.12 m²
Cát tôn nền K95 : 0.00 m²

Đào tường : 1.16 m²
Đắp hoàn trả móng tường: 0.33 m²
Vết hữu cơ : 0.59 m²
Vết bùn : 0.00 m²
Đắp lề : 0.19 m²

B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II: 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.90 m²
Đào khuôn : 1.06 m²
Cát tôn nền K95 : 0.25 m²

R = 300.00
it = -2.00%
ip = -2.00%
w = 0.00

Đào tường : 0.90 m²
Đắp hoàn trả móng tường: 0.26 m²
Vết hữu cơ : 0.69 m²
Vết bùn : 0.00 m²
Đắp lề : 0.75 m²

UBND XÃ NGUYỄN TRÃI
PHÒNG KINH TẾ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số/BC-KQTT
Ngàythángnăm
Người thẩm định ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HÙNG - AN THÀNH
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../BC-KQTT
Ngàythángnăm 20.....
Ký tên:

Cao độ thiết kế	2.46 2.46 2.49 2.46 2.43									
Khoảng cách lề thiết kế	0.27 0.30 1.50 1.50 0.80									
Cao độ tự nhiên	0.50	0.80	0.95	1.45	2.25	2.29	2.18	1.84	1.84	1.84
Khoảng cách mìa	3.50	1.00	1.00	1.47	3.03	2.36	0.49	2.15	5.00	

Cao độ thiết kế	1.28 2.48 2.50 2.53 2.50 2.48									
Khoảng cách lề thiết kế	1.81 0.50 1.50 1.50 0.50									
Cao độ tự nhiên	0.50	0.75	0.93	1.43	2.32	2.29	2.25	1.81	1.81	1.81
Khoảng cách mìa	4.50	1.00	1.00	1.72	1.78	0.00	1.73	0.52	2.75	5.00

B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II: 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.90 m²
Đào khuôn : 1.05 m²
Cát tôn nền K95 : 0.25 m²

Đào tường : 0.94 m²
Đắp hoàn trả móng tường: 0.27 m²
Vết hữu cơ : 0.64 m²
Vết bùn : 0.00 m²
Đắp lề : 0.61 m²

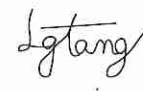
B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II: 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.90 m²
Đào khuôn : 1.06 m²
Cát tôn nền K95 : 0.25 m²

R = 300.00
it = -2.00%
ip = -2.00%
w = 0.00

Đào tường : 0.76 m²
Đắp hoàn trả móng tường: 0.22 m²
Vết hữu cơ : 0.66 m²
Vết bùn : 0.50 m²
Đắp lề : 2.25 m²

Cao độ thiết kế	1.57 2.48 2.50 2.53 2.50 2.48									
Khoảng cách lề thiết kế	1.37 0.30 1.50 1.50 0.50									
Cao độ tự nhiên	0.50	0.78	0.95	1.45	2.31	2.28	2.26	1.81	1.81	1.81
Khoảng cách mìa	4.40	1.00	1.00	1.73	1.87	0.00	1.80	0.50	2.70	5.00

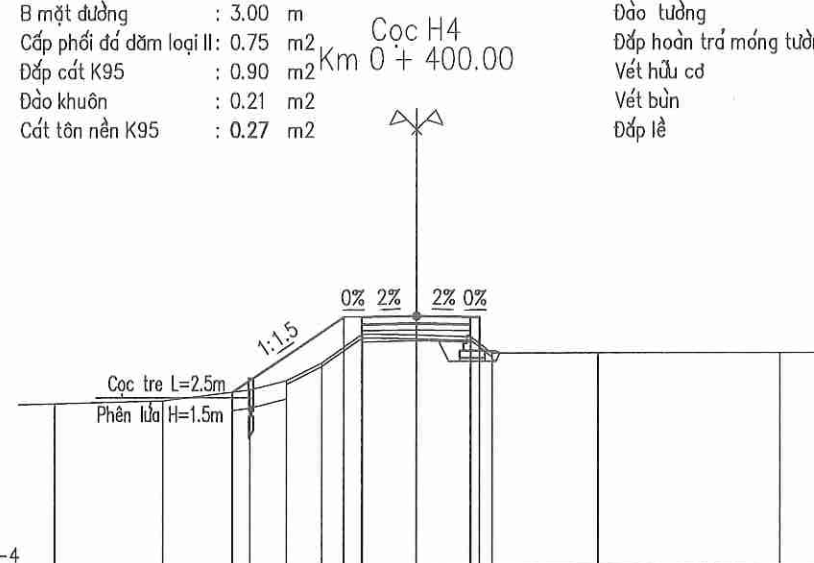
Cao độ thiết kế	0.91 2.51 2.53 2.56 2.53 2.51									
Khoảng cách lề thiết kế	2.40 0.50 1.50 1.50 0.50									
Cao độ tự nhiên	0.54	0.60	0.90	1.05	1.55	2.38	2.36	2.23	1.78	1.78
Khoảng cách mìa	2.00	3.55	1.00	1.00	1.37	1.08	1.60	0.50	2.90	5.00

1	
2	
3	
CHỦ ĐẦU TƯ:	
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGUYỄN TRÃI	
ĐỊA CHỈ:	
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN	
CÔNG TRÌNH:	
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN NHÀ ÔNG MINH)	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:	
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:	
 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG SƠN NAM, TỈNH HUNG YÊN ĐT: 0988 057 866 - EMAIL: TVXD.TAMAN@GMAIL.COM	
GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN NGUYỄN ĐỨC TÂM CHỦ TRÌ	
KS. NGUYỄN VĂN HUY	
THIẾT KẾ  KS. ĐINH TRUNG KIẾN	
KIỂM TRA  KS. LÊ GIA TĂNG	
HẠNG MỤC:	
NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN GIAO THÔNG	
TÊN BẢN VẼ:	
TRẮC NGANG THIẾT KẾ	
TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:
1/200	TA2025- ĐCN: 23
HOÀN THÀNH	
NĂM 2025	
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT	

B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II : 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.90 m²
Đào khuôn : 0.21 m²
Cát tôn nền K95 : 0.27 m²

R = 300.00
it = -2.00%
ip = -2.00%
w = 0.00

Đào tường : 0.62 m²
Đắp hoàn trả móng tường : 0.10 m²
Vết hữu cơ : 0.60 m²
Vết bùn : 0.73 m²
Đắp lề : 3.04 m²

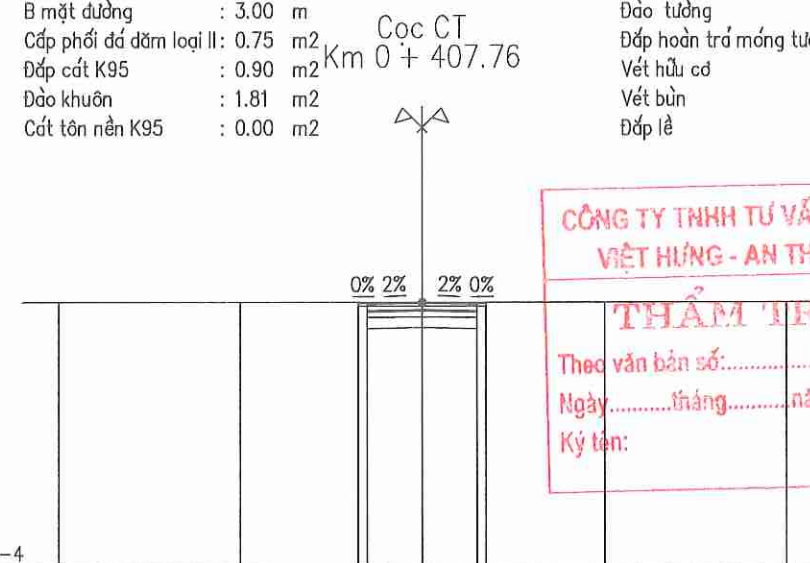


MSS -4

Cao độ thiết kế			0.84		2.89	2.89	2.92	2.88		
Khoảng cách lề thiết kế			3.07	0.50	1.50	1.50	0.25			
Cao độ tự nhiên	0.52	0.60	0.90	1.15	1.64	2.42	2.40	2.35	1.90	1.90
Khoảng cách mìa	3.00	2.40	1.00	0.98	1.14	1.48	1.52	0.58	2.90	5.00

B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II : 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.90 m²
Đào khuôn : 1.81 m²
Cát tôn nền K95 : 0.00 m²

Đào tường : 0.00 m²
Đắp hoàn trả móng tường : 0.00 m²
Vết hữu cơ : 0.35 m²
Vết bùn : 0.00 m²
Đắp lề : 0.00 m²

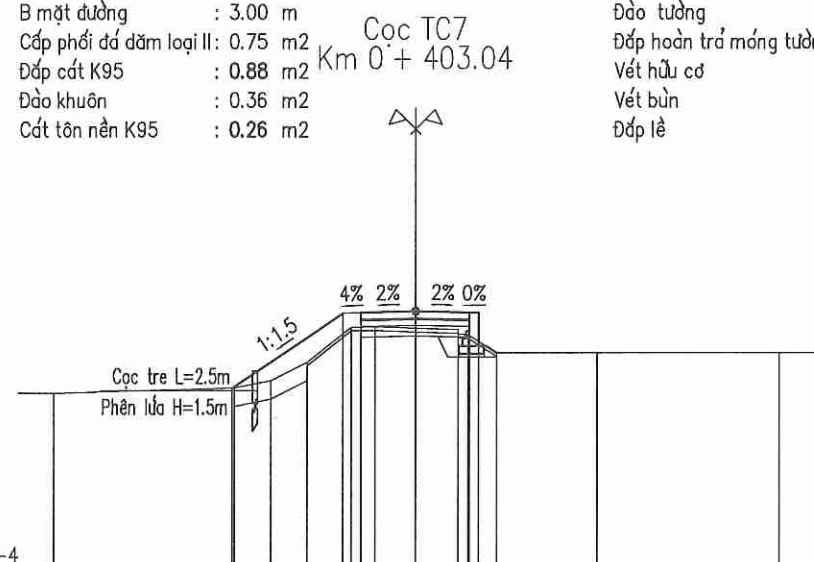


MSS -4

Cao độ thiết kế			3.23	3.22	3.19		
Khoảng cách lề thiết kế			1.50	1.50	0.00		
Cao độ tự nhiên	3.23	3.23	3.23	3.23	3.23	3.23	3.23
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00

B mặt đường : 3.00 m
Cấp phối đá dăm loại II : 0.75 m²
Đắp cát K95 : 0.88 m²
Đào khuôn : 0.36 m²
Cát tôn nền K95 : 0.26 m²

Đào tường : 0.58 m²
Đắp hoàn trả móng tường : 0.08 m²
Vết hữu cơ : 0.53 m²
Vết bùn : 1.00 m²
Đắp lề : 2.84 m²



MSS -4

Cao độ thiết kế			0.95		2.99	3.01	3.04	2.91		
Khoảng cách lề thiết kế			3.06	0.50	1.50	1.50	0.00			
Cao độ tự nhiên	0.80	0.95	1.15	1.65	2.60	2.61	2.57	2.43	1.90	1.90
Khoảng cách mìa	0.00	5.00	1.00	1.00	1.23	0.66	1.10	0.79	2.75	5.00

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HƯNG - AN THÀNH

THẨM TRA

Theo văn bản số:/BC-KQTT
Ngày:thángnăm 20.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

ĐỊA CHỈ:

XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

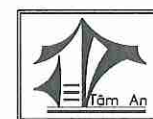
CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG
THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN
NHÀ ÔNG MINH)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG SƠN NAM, TỈNH HUNG YÊN
ĐT: 0989 067 866 - EMAIL: TVXD.TAMAN@GMAIL.COM



UBND XÃ NGUYỄN TRÃI
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:/
Ngày:thángnăm
Người thẩm định ký tên:

CHỦ TRÌ

KS. NGUYỄN VĂN HUY

THIẾT KẾ

KS. ĐÌNH TRUNG KIẾN

KIỂM TRA

KS. LÊ GIA TĂNG

HẠNG MỤC:

NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN
GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

1/200

BẢN VẼ SỐ:

TA2025- ĐCN: 24

HOÀN THÀNH:

NĂM 2025

HỒ SƠ BẢO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG			
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN NHÀ ÔNG MINH)			
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HƯNG YÊN			
STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	Đơn vị	KHỐI LƯỢNG
I. PHẦN NỀN, MẶT ĐƯỜNG			
1	Đào bùn bằng thủ công (20%)	m3	45,19
2	Vét bùn bằng máy (80%)	100m3	1,81
3	Bóc hữu cơ bằng thủ công (20%)	m3	43,46
4	Bóc hữu cơ bằng máy (80%)	100m3	1,74
5	Đào khuôn đường, đất cấp II bằng thủ công (20%KL)	m3	80,44
6	Đào khuôn đường, đất cấp II bằng máy (80%KL)	100m3	3,22
7	Vận chuyển đất bằng oto tự đổ 5T, phạm vi <=1000m, đất cấp I	100m3	12,46
8	Vận chuyển tiếp cự ly <=4km bằng ô tô tự đổ 5 tấn, đất cấp I	100m3	12,46
9	Lớp cấp phối đá dăm loại II dày 15cm	100m3	1,99
10	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,98 (30%KL)	100m3	0,78
11	Đắp cát công trình bằng máy lu bánh thép 9T, máy ủi 110CV, độ chặt Y/C K = 0,98 (70%KL)	100m3	3,13
12	Cát đen K=0,95 đắp bằng đầm cóc (20%KL)	100m3	0,62
13	Đắp cát công trình bằng máy lu bánh thép 9T, máy ủi 110CV, độ chặt Y/C K = 0,95	100m3	2,48
14	Cát vàng tạo phẳng dày 3cm	m3	39,84
15	Làm ván khuôn thép bê tông mặt đường	100m2	1,87
16	Nilon lót tái sinh	m2	1223,28
17	Bê tông mặt đường SX bằng máy trộn, đồ bằng thủ công, dày 20cm, M250, đá 2x4	m3	265,60
18	Đắp đất nền đường bằng thủ công, độ chặt K=0,90 (30%KL)	m3	55,16
19	Đắp đất nền đường bằng đầm cóc, độ chặt K=0,90 (70%KL)	100m3	2,21
20	Đóng cọc tre bằng thủ công, chiều dài cọc <= 2,5m vào đất cấp I	100m	11,00
21	Phân lữa	m	220,11
II. PHẦN AN TOÀN GIAO THÔNG			
22	Chân cột biển báo D89		5,80
23	Mặt biển báo tam giác		2,00
24	Đào đất móng	m3	0,25
25	Bê tông móng biển báo	m3	0,25
IV. CÔNG TRÌNH TRÊN KÊNH			
26	Đào đất móng cống, đất cấp II	m3	21,16
27	Đắp đất bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90	100m3	0,09
28	Đóng cọc tre bằng máy đào 0,5m3, chiều dài cọc <=2,5m - Cấp đất I	100m	2,38
29	Đá dăm lót 2x4	m3	0,59
30	Ván khuôn bê tông móng cống	100m2	0,09
31	Bê tông móng cống SX bằng máy trộn, đồ bằng thủ công, M200, đá 2x4, PCB40	m3	1,03
32	Xây tường thẳng bằng gạch không nung 6,5x10,5x22cm - Chiều dày <=33cm, chiều cao <=6m, vữa XM M75, PCB40	m3	0,52
33	Xây tường thẳng bằng gạch không nung 6,5x10,5x22cm - Chiều dày >33cm, chiều cao <=6m, vữa XM M75, PCB40	m3	1,13
34	Trát tường VXM M75#	m2	3,03
35	Lắp đặt ống bê tông bằng cần cẩu, đoạn ống dài 1m - Đường kính <=600mm	đoạn ống	8,00
36	Nối ống bê tông bằng phương pháp xam, đường kính 400mm	mỗi nối	6
II. TƯỜNG CHÁNH			
37	Đào móng bằng máy đào 0,8m3, chiều rộng móng <=6m - Cấp đất I	100m3	8,49
38	Đắp đất bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90	100m3	1,42
39	Đóng cọc tre bằng máy đào 0,5m3, chiều dài cọc <= 2,5m, đất cấp I	100m	54,60
40	Đá dăm lót 2x4	m3	48,92
41	Bê tông sản xuất bằng máy trộn, đồ bằng thủ công, bê tông móng đá 2x4, chiều rộng <=250cm, mác 200	m3	97,84
42	Sản xuất, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn gỗ, ván khuôn móng dài, bê máy	100m2	2,61
43	Xây rãnh thoát nước bằng gạch không nung 6,5x10,5x22cm, vữa XM M75, PCB40	m3	90,24
44	Xây gờ chắn bánh bằng gạch không nung - Chiều dày <=33cm, chiều cao <=6m, vữa XM M75, PCB40	m3	131,56
45	Trát tường ngoài dày 1,5cm, vữa XMCV M75	m2	741,44
46	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đồ bằng thủ công, bê tông M200, đá 1x2	m3	13,65
47	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	1,10
48	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK <=10mm, chiều cao <=6m	tấn	0,83
49	Quét nhựa bí tum và dán giấy dầu 2 lớp giấy 2 lớp nhựa	m2	22,57
50	Lắp đặt ống nhựa đường kính ống 50mm	100m	1,43
51	Vải địa bịt đầu ống	100m2	0,80

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HƯNG - AN THÀNH

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../BC-KQT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

UBND XÃ NGUYỄN TRÃI
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số/.....
Ngày.....tháng.....năm.....
Người thẩm định ký tên:

.....	1	
.....	2	
.....	3	

CHỦ ĐẦU TƯ:

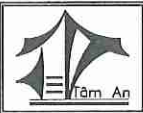
**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI**

ĐỊA CHỈ:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HƯNG YÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG
THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN
NHÀ ÔNG MINH)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HƯNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN**

ĐỊA CHẾ: PHƯỜNG SƠN NAM, TỈNH HƯNG YÊN
ĐT: 0918 087 686 - EMAIL: TVXD.TAMAN@GMAIL.COM

M.S.D.N: 090104973

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH
TƯ VẤN KIẾN TRÚC
XÂY DỰNG
TÂM AN

NGUYỄN ĐỨC TÂM
CHỦ TRÌ



KS. NGUYỄN VĂN HUY

THIẾT KẾ



KS. ĐÌNH TRUNG KIẾN

KIỂM TRA



KS. LÊ GIA TĂNG

HẠNG MỤC:

**NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN
GIAO THÔNG**

TÊN BẢN VẼ:
**BẢNG TỔNG HỢP
KHỐI LƯỢNG**

TỶ LỆ:
1/50

HOÀN THÀNH
NĂM 2025

BẢN VẼ SỐ:
TA2025-ĐCN: 25

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CẮT NGANG																						
Stt	Tên cọc	Khoảng cách	Diện tích										Khối lượng									
			B mặt đường	Cấp phối đá dăm loại II	Đắp cát K95	Đào khuôn	Cắt tôn nền K95	Đào móng tường	Đắp móng tường	Vết hữu cơ	Vết Bùn	Đắp lề	B mặt đường	Cấp phối đá dăm loại II	Đắp cát K95	Đào khuôn	Cắt tôn nền K95	Đào móng tường	Đắp móng tường	Vết hữu cơ	Vết Bùn	Đắp lề
1	DT		3,00	0,75	0,90	1,02	-	-	-	0,33	-	-										
		5,43											16,29	4,07	4,83	4,72	3,07	6,08	1,33	2,20	0,81	0,00
2	1		3,00	0,75	0,88	0,72	1,13	2,24	0,49	0,48	0,30	-										
		14,57											43,71	10,93	12,82	14,06	16,46	38,39	6,92	7,65	4,15	0,00
3	2		3,00	0,75	0,88	1,21	1,13	3,03	0,46	0,57	0,27	-										
		20											60,00	15,00	17,60	22,70	11,30	39,10	7,50	11,10	9,00	16,00
4	3		3,00	0,75	0,88	1,06	-	0,88	0,29	0,54	0,63	1,60										
		7,27											21,81	5,45	6,40	7,52	0,98	6,40	2,11	3,96	4,65	11,60
5	TD1		3,00	0,75	0,88	1,01	0,27	0,88	0,29	0,55	0,65	1,59										
		6,95											20,85	5,21	6,12	6,88	1,88	6,26	2,02	3,79	5,32	12,02
6	P1		3,00	0,75	0,88	0,97	0,27	0,92	0,29	0,54	0,88	1,87										
		5,81											17,43	4,36	5,11	5,61	1,57	5,37	1,66	3,17	4,53	10,08
7	4		3,00	0,75	0,88	0,96	0,27	0,93	0,28	0,55	0,68	1,60										
		1,14											3,42	0,86	1,00	1,09	0,31	1,06	0,32	0,63	0,78	1,84
8	TC1		3,00	0,75	0,88	0,95	0,27	0,93	0,28	0,55	0,69	1,62										
		18,86											56,58	14,15	16,60	17,26	5,09	17,63	5,28	9,43	17,82	42,44
9	5		3,00	0,75	0,88	0,88	0,27	0,94	0,28	0,45	1,20	2,88										
		9,84											29,52	7,38	8,66	8,66	2,66	8,61	2,76	4,72	10,63	25,09
10	D2		3,00	0,75	0,88	0,88	0,27	0,81	0,28	0,51	0,96	2,22										
		10,16											30,48	7,62	8,94	9,25	2,74	8,28	2,79	5,18	9,55	22,10
11	H1		3,00	0,75	0,88	0,94	0,27	0,82	0,27	0,51	0,92	2,13										
		20											60,00	15,00	17,60	19,90	5,40	17,70	5,40	10,10	16,40	35,40
12	6		3,00	0,75	0,88	1,05	0,27	0,95	0,27	0,50	0,72	1,41										
		7,73											23,19	5,80	6,80	7,77	2,09	7,77	2,09	3,98	5,60	12,29
13	TD2		3,00	0,75	0,88	0,96	0,27	1,06	0,27	0,53	0,73	1,77										
		9,88											29,64	7,41	8,69	8,94	2,67	10,97	1,88	5,34	7,31	18,57
14	P2		3,00	0,75	0,88	0,85	0,27	1,16	0,11	0,55	0,75	1,99										
		2,35											7,05	1,76	2,09	2,07	1,33	3,81	0,61	1,27	1,84	2,34
15	7		3,00	0,75	0,90	0,91	0,86	2,08	0,41	0,53	0,82	-										
		7,53											22,59	5,65	6,70	7,87	7,49	21,12	3,24	4,07	5,35	0,00
16	TC2		3,00	0,75	0,88	1,18	1,13	3,53	0,45	0,55	0,60	-										
		9,66											28,98	7,25	8,50	10,87	10,92	32,07	3,96	5,07	5,22	0,00
17	D4		3,00	0,75	0,88	1,07	1,13	3,11	0,37	0,50	0,48	-										
		2,77											8,31	2,08	2,44	3,28	3,13	8,64	1,04	1,41	1,20	0,00
18	8		3,00	0,75	0,88	1,30	1,13	3,13	0,38	0,52	0,39	-										
		20											60,00	15,00	17,60	24,30	22,60	59,80	7,20	10,50	7,90	0,00
19	9		3,00	0,75	0,88	1,13	1,13	2,85	0,34	0,53	0,40	-										
		1,69											5,07	1,27	1,49	1,91	1,91	4,82	0,57	0,89	0,68	0,00
20	TD3		3,00	0,75	0,88	1,13	1,13	2,85	0,34	0,52	0,40	-										
		7,21											21,63	5,41	6,34	7,35	8,15	21,02	2,52	3,86	2,45	0,00
21	P3		3,00	0,75	0,88	0,91	1,13	2,98	0,36	0,55	0,28	-										
		7,21											21,63	5,41	6,34	7,32	8,15	21,13	2,49	3,86	2,63	0,00
22	TC3		3,00	0,75	0,88	1,12	1,13	2,88	0,33	0,52	0,45	-										

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HÙNG - AN THÀNH

THẨM TRA

Theo văn bản số:/BC-KQTT

Ngày: tháng năm 20.....

Ký tên: Vết hữu cơ: Vết Bùn: Đắp lề:

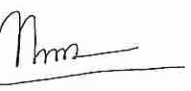
UBND XÃ NGUYỄN TRÃI
PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:/.....

Ngày: tháng năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

	1	
	2	
	3	
CHỦ ĐẦU TƯ:		
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGUYỄN TRÃI		
ĐỊA CHỈ:		
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN		
CÔNG TRÌNH:		
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN NHÀ ÔNG MINH)		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:		
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:		
		
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN		
ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG SƠN NAM, TỈNH HUNG YÊN ĐT: 0988 067 866 - EMAIL: TVXD TAM AN@GMAIL.COM		
GIÁM ĐỐC		
		
NGUYỄN ĐỨC TÂM		
CHỦ TRÌ		
		
KS. NGUYỄN VĂN HUY		
THIẾT KẾ		
		
KS. ĐINH TRUNG KIẾN		
KIỂM TRA		
		
KS. LÊ GIA TĂNG		
HẠNG MỤC:		
NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN GIAO THÔNG		
TÊN BẢN VẼ:		
BẢNG KHỐI LƯỢNG CẮT NGANG		
TỶ LỆ:	1/50	BẢN VẼ SỐ:
HOÀN THÀNH	NĂM 2025	TA2025- DCN: 26
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT		

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CẮT NGANG

Stt	Tên cọc	Khoảng cách	Diện tích										Khối lượng									
			B mặt đường	Cấp phối đá dăm loại II	Đắp cát K95	Đào khuôn	Cát tôn nền K95	Đào móng tường	Đắp móng tường	Vết hữu cơ	Vết Bùn	Đắp lề	B mặt đường	Cấp phối đá dăm loại II	Đắp cát K95	Đào khuôn	Cát tôn nền K95	Đào móng tường	Đắp móng tường	Vết hữu cơ	Vết Bùn	Đắp lề
		3,83											11,49	2,87	3,37	4,12	4,33	11,15	1,28			
23	H2		3,00	0,75	0,88	1,03	1,13	2,94	0,34	0,54	0,47	-										
		20											60,00	15,00	17,60	19,60	22,60	58,20	6,70	10,60	10,20	0,00
24	10		3,00	0,75	0,88	0,93	1,13	2,88	0,33	0,52	0,55	-										
		15,31											45,93	11,48	13,47	14,93	17,30	45,16	5,44	7,96	8,42	0,00
25	D6		3,00	0,75	0,88	1,02	1,13	3,02	0,38	0,52	0,55	-										
		4,7											14,10	3,53	4,14	3,55	5,31	14,15	1,76	2,44	2,70	0,00
26	11		3,00	0,75	0,88	0,49	1,13	3,00	0,37	0,52	0,60	-										
		16,36											49,08	12,27	14,40	11,29	18,49	48,34	6,05	8,26	9,24	0,00
27	TD4		3,00	0,75	0,88	0,89	1,13	2,91	0,37	0,49	0,53	-										
		3,64											10,92	2,73	3,20	2,97	4,11	10,57	1,38	1,77	1,87	0,00
28	12		3,00	0,75	0,88	0,74	1,13	2,90	0,39	0,48	0,50	-										
		3,01											9,03	2,26	2,65	2,15	3,40	8,85	1,10	1,46	1,35	0,00
29	P4		3,00	0,75	0,88	0,69	1,13	2,98	0,34	0,48	0,40	-										
		6,64											19,92	4,98	5,84	4,55	7,50	20,19	2,32	8,25	2,76	0,00
30	TC4		3,00	0,75	0,88	0,68	1,13	3,10	0,36	0,50	0,43	-										
		10,32											30,96	7,74	9,08	6,50	11,66	32,46	3,25	5,83	4,44	0,00
31	13		3,00	0,75	0,88	0,58	1,13	3,19	0,27	0,63	0,43	-										
		20											60,00	15,00	17,60	11,30	22,60	60,70	6,90	11,10	9,30	0,00
32	H3		3,00	0,75	0,88	0,55	1,13	2,88	0,42	0,48	0,50	-										
		8,29											24,87	6,22	7,30	4,52	9,37	23,83	3,48	4,02	4,56	0,00
33	TD5		3,00	0,75	0,88	0,54	1,13	2,87	0,42	0,49	0,60	-										
		7,76											23,28	5,82	6,83	4,00	5,43	13,93	2,60	3,96	2,33	1,40
34	P5		3,00	0,75	0,88	0,49	0,27	0,72	0,25	0,53	-	0,36										
		3,91											11,73	2,93	3,44	1,99	2,74	7,21	1,76	2,11	0,98	0,70
35	14		3,00	0,75	0,88	0,53	1,13	2,97	0,65	0,55	0,50	-										
		3,85											11,55	2,89	3,39	2,21	4,35	11,17	2,25	2,12	2,02	0,00
36	TC5		3,00	0,75	0,88	0,62	1,13	2,83	0,52	0,55	0,55	-										
		16,14											48,42	12,11	14,20	10,49	18,24	41,96	8,47	8,55	10,33	0,00
37	15		3,00	0,75	0,88	0,68	1,13	2,37	0,53	0,51	0,73	-										
		11,99											35,97	8,99	10,55	7,31	13,55	27,94	7,19	5,88	8,87	0,00
38	TD6		3,00	0,75	0,88	0,54	1,13	2,29	0,67	0,47	0,75	-										
		4,31											12,93	3,23	3,79	2,67	4,31	12,35	3,06	2,37	3,45	0,00
39	P6		3,00	0,75	0,88	0,70	0,87	3,44	0,75	0,63	0,85	-										
		4,35											13,05	3,26	3,83	3,13	4,18	13,38	2,72	2,59	3,05	0,00
40	TC6		3,00	0,75	0,88	0,74	1,05	2,71	0,50	0,56	0,55	-										
		3,38											10,14	2,54	3,01	3,14	1,77	6,54	1,40	1,94	0,93	0,32
41	16		3,00	0,75	0,90	1,12	-	1,16	0,33	0,59	-	0,19										
		14,34											43,02	10,76	12,91	15,56	1,79	15,06	4,30	8,82	0,00	5,74
42	TD7		3,00	0,75	0,90	1,05	0,25	0,94	0,27	0,64	-	0,61										
		1,56											4,68	1,17	1,40	1,65	0,39	1,44	0,41	1,04	0,00	1,06
43	17		3,00	0,75	0,90	1,06	0,25	0,90	0,26	0,69	-	0,75										
		10,87											32,61	8,15	9,78	11,52	2,72	9,02	2,61	7,34	2,72	16,31
44	P7		3,00	0,75	0,90	1,06	0,25	0,76	0,22	0,66	0,50	2,25										
		9,13											27,39	6,85	8,22	5,80	2,37	6,30	1,46	5,75	5,61	24,15
45	H4		3,00	0,75	0,90	0,21	0,27	0,62	0,10	0,60	0,73	3,04										
		3,29											9,87	2,47	2,93	0,94	0,87	1,97	0,30	1,86	2,85	9,67
46	TC7		3,00	0,75	0,88	0,36	0,26	0,58	0,08	0,53	1,00	2,84										
		4,72											14,16	3,54	4,20	5,12	0,61	1,37	0,19	2,08	2,36	6,70
47	CT6		3,00	0,75	0,90	1,81	-	-	-	0,35	-	-										
Tổng		407,76	126,00			36,86	33,37	91,96	15,56	22,42	22,69	22,59	1223,28	305,82	359,81	360,33	309,88	849,25	142,08	217,28	225,94	275,81

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐTXD
VIỆT HÙNG - AN THÀNH

THẨM TRA

Theo văn bản số: BC-KQT
Ngày: 10/10/2025
Ký tên: [Chữ ký]

UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 46
Ngày: 10/10/2025
Người thẩm định ký tên: [Chữ ký]

	1
	2
	3

CHỦ ĐẦU TƯ:

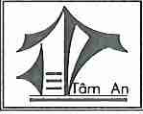
ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

ĐỊA CHỈ:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG
THÔN XÃ CẨM NINH (ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG CHIÊM ĐẾN
NHÀ ÔNG MINH)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TÂM AN

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG SƠN NAM, TỈNH HUNG YÊN
ĐT: 0988 067 868 - EMAIL: TVDTAMANG@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH
TƯ VẤN KIẾN TRÚC
XÂY DỰNG
TÂM AN

NGUYỄN ĐỨC TÂM

CHỦ TRƯỞNG

[Chữ ký]

KS. NGUYỄN VĂN HUY

THIẾT KẾ

[Chữ ký]

KS. ĐÌNH TRUNG KIẾN

KIỂM TRA

[Chữ ký]

KS. LÊ GIA TĂNG

HẠNG MỤC:

NỀN ĐƯỜNG, AN TOÀN
GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ:

BẢNG KHỐI LƯỢNG
CẮT NGANG

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

TA2025-DCN: 27

HOÀN THÀNH

NĂM 2025

HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ - KỸ THUẬT

